

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2
KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC

NGUYỄN THỊ HẰNG

TÌM HIỂU HỨNG THÚ HỌC TẬP
MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI CỦA HỌC SINH
LỚP 3, TRƯỜNG TIỂU HỌC TIÊN DƯƠNG
HUYỆN ĐÔNG ANH – HÀ NỘI

TÓM TẮT KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Chuyên ngành: Tâm lí học

Người hướng dẫn khoa học
TS. GVC. NGUYỄN ĐÌNH MẠNH

HÀ NỘI, 2014

LỜI CẢM ƠN

Em xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành nhất tới TS. GVC Nguyễn Đình Mạnh – Trưởng Bộ môn Tâm lí – giáo dục trường ĐHSP Hà Nội 2, người đã tận tình chỉ bảo, giúp đỡ em hoàn thành khóa luận này.

Em xin bày tỏ lời cảm ơn tới các thầy cô trong trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, đặc biệt là các thầy cô trong khoa Giáo dục Tiểu học đã giảng dạy em trong suốt thời gian qua.

Với điều kiện hạn chế về thời gian cũng như kiến thức của bản thân, nên khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót, kính mong sự chỉ bảo của các thầy cô cũng như của các bạn sinh viên.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2014

TÁC GIẢ KHÓA LUẬN

Nguyễn Thị Hằng

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan khóa luận này là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Trong khi nghiên cứu, tôi đã kế thừa những thành quả của các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu với sự trân trọng và biết ơn.

Những kết quả nghiên cứu trong khóa luận chưa được công bố trong bất kì công trình nào.

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2014

Sinh viên

Nguyễn Thị Hằng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu của đề tài.....	2
4. Nhiệm vụ và giới hạn của đề tài.....	3
5. Giả thuyết khoa học	3
6. Phương pháp nghiên cứu.....	3
7. Dự kiến cấu trúc của đề tài.....	3
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	4
1.1. Lịch sử nghiên cứu của vấn đề.....	4
1.1.1. Nghiên cứu lý luận về hứng thú.....	4
1.1.2. Nghiên cứu thực tiễn về hứng thú.....	5
1.2. Hứng thú nhận thức.....	7
1.2.1. Hứng thú nhận thức.....	7
1.2.2. Các giai đoạn phát triển của hứng thú nhận thức và tiêu chuẩn nhận biết nó	9
1.2.3. Sự hình thành và phát triển của hứng thú nhận thức	10
1.2.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của hứng thú nhận thức.....	14
1.3. Hứng thú học Tự nhiên và xã hội của học sinh	20
1.3.1. Đặc điểm bộ môn Tự nhiên và xã hội trong trường phổ thông	20
1.3.2. Một số đặc điểm của học sinh Tiểu học trong học tập	21
1.3.3. Hứng thú học Tự nhiên và xã hội	23

Chương 2: THỰC TRẠNG HỨNG THÚ HỌC TẬP MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI CỦA HỌC SINH LỚP 3 TRƯỜNG TIỂU HỌC TIÊN DƯƠNG. NGUYÊN NHÂN THỰC TRẠNG ĐÓ VÀ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HỨNG THÚ CHO HỌC SINH	26
2.1. Các phương pháp tiến hành khảo sát	26
2.2. Tình hình hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội của học sinh lớp 3 trường Tiểu học Tiên Dương	27
2.2.1. Rung động nhận thức của học sinh đối với môn học.....	27
2.2.2. Biểu hiện của hứng thú học Tự nhiên và xã hội của học sinh lớp 3A, 3B trường Tiểu học Tiên Dương.....	33
2.2.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học Tự nhiên và xã hội ở học sinh được nghiên cứu	39
2.2.3.1. Những yếu tố kích thích học Tự nhiên và xã hội của học sinh được nghiên cứu	40
2.2.3.2. Những yếu tố làm hạn chế hứng thú học Tự nhiên và xã hội ở học sinh được nghiên cứu	45
Chương 3: THỬ NGHIỆM TÁC ĐỘNG. KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN CỦA ĐỀ TÀI	48
3.1. Mở đầu	48
3.1.1. Mục đích thử nghiệm	48
3.1.2. Nội dung và cách thức thử nghiệm	48
3.1.3. Khách thể thử nghiệm và đối chứng	51
3.1.4. Thời gian thử nghiệm.....	51
3.2. Kết quả thử nghiệm	51
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ CỦA ĐỀ TÀI	57
TÀI LIỆU THAM KHẢO	59

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong thời đại ngày nay, khi cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật phát triển mạnh mẽ như vũ bão thì nhu cầu của con người ngày càng trở nên đa dạng, phong phú và không ngừng vươn tới đỉnh cao mới. Nhân loại đều hướng tới chân trời tri thức mà hạt nhân là giáo dục. Giáo dục được coi là quốc sách hàng đầu đặc biệt trong thời đại Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước, để đào tạo ra những nguồn nhân lực phục vụ cho nhu cầu phát triển xã hội.

Nhận rõ tầm quan trọng của giáo dục, Bộ giáo dục và Đào tạo đã không ngừng đổi mới và cải cách hệ thống giáo dục cho phù hợp với từng độ tuổi của người học. Với mỗi cấp học, mỗi độ tuổi đều được học những môn học khác nhau, đó là điều kiện cơ bản ban đầu để giúp các em dần làm chủ tri thức của nhân loại. Tự nhiên và xã hội là môn học được dạy ở giai đoạn đầu của lứa tuổi Tiểu học. Nhờ có môn học này mà các em có thêm những hiểu biết ban đầu về con người và sức khỏe, xã hội, tự nhiên. Tuy nhiên đó chỉ là mức độ sơ giản, càng lên cao các em lại được nghiên cứu, tìm hiểu sâu hơn.

Hứng thú là một trong những mặt biểu hiện của xu hướng nhân cách, nó có vai trò to lớn với hoạt động của con người nói chung và hoạt động nhận thức nói riêng. Hứng thú làm tăng hiệu quả của quá trình nhận thức, làm nảy sinh khát vọng hành động và hành động một cách say mê, sáng tạo làm tăng sức làm việc ở mỗi người. Trong hoạt động học tập, hứng thú là yếu tố quan trọng thôi thúc học sinh nắm bắt tri thức một cách nhanh hơn, sâu sắc hơn. Khi có hứng thú học một môn nào đó học sinh sẽ tập trung chú ý vào đối tượng nhận thức, nhờ đó quan sát của các em trở nên nhạy bén và chính xác, chú ý trở nên bền vững, việc ghi nhớ dễ dàng hơn, quá trình tư duy sẽ tích cực

hơn, nhờ đó kết quả học tập của học sinh sẽ ngày càng nâng cao, năng lực của học sinh từng bước hình thành, phát triển một cách tích cực.

Lứa tuổi học sinh Tiểu học đặc biệt là giai đoạn đầu tư duy của các em vẫn còn cụ thể, mức độ tập trung hay hứng thú về một điều gì đó rất thấp, thường không được kéo dài. Các em chưa thực sự đạt kết quả cao trong học tập, không mấy yêu thích môn học này vì cho rằng đó chỉ là một môn phụ trong chương trình học. Có rất nhiều em không hứng thú với môn học này, từ đó không hăng say học tập và tình trạng học bị cầm chừng, học mang tính chất đối phó.

Xuất phát từ những lý do trên chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: “Tìm hiểu hứng thú học tập môn Tự nhiên và xã hội của học sinh lớp 3, trường Tiểu học Tiên Dương huyện Đông Anh – Hà nội. Nhằm góp phần nâng cao nhận thức của học sinh về ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học cũng như nâng cao hứng thú của học sinh Tiểu học đối với môn Tự nhiên và xã hội.

2. Mục đích nghiên cứu:

Tìm hiểu hứng thú học tập môn Tự nhiên và xã hội của học sinh lớp 3, trường Tiểu học Tiên Dương huyện Đông Anh – Hà Nội, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hứng thú học tập đối với môn Tự nhiên và xã hội cho học sinh Tiểu học.

3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu:

Hứng thú học tập môn Tự nhiên và xã hội của học sinh lớp 3 trường Tiểu học Tiên Dương.

Khách thể nghiên cứu của đề tài:

100 em học sinh lớp 3A, 3B của trường Tiểu học Tiên Dương năm học 2013- 2014.

4. Nhiệm vụ và giới hạn của đề tài

- Tìm hiểu thực trạng hứng thú học tập của học sinh lớp 3 đối với môn Tự nhiên và xã hội, tìm hiểu những nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó.

- Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hứng thú học tập đối với môn Tự nhiên và xã hội cho học sinh Tiểu học.

5. Giả thuyết khoa học

Hứng thú học tập môn Tự nhiên và xã hội của học sinh lớp 3 trường Tiểu học Tiên Dương khá đa dạng, phong phú nhưng còn chưa đồng đều. Có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến thực trạng trên. Bằng một số tác động sư phạm phù hợp có thể nâng cao được hứng thú học tập môn Tự nhiên và xã hội của các em.

6. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng một số phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp đọc sách
- Phương pháp điều tra
- Phương pháp quan sát
- Phương pháp thống kê toán học
- Phương pháp nghiên cứu lý luận
- Phương pháp thử nghiệm tác động

7. Dự kiến cấu trúc của đề tài

Chương 1: Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu

Chương 2: Thực trạng hứng thú học tập môn Tự nhiên và xã hội của học sinh lớp 3, trường tiểu học Tiên Dương. Nguyên nhân của thực trạng đó và biện pháp nâng cao hứng thú học tập cho học sinh.

Chương 3: Thử nghiệm tác động. Kiến nghị, kết luận của đề tài.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Lịch sử nghiên cứu của vấn đề

Hứng thú là thuộc tính tâm lý cá nhân, nó có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong học tập của con người nên đã được nhiều tác giả trong và ngoài nước tập trung nghiên cứu, từ nghiên cứu lý luận đến nghiên cứu thực tiễn về hứng thú trong các dạng hoạt động khác nhau, đặc biệt hứng thú nhận thức nói chung và các môn học nhà trường khác nhau.

1.1.1. Nghiên cứu lý luận về hứng thú.

Những công trình nghiên cứu lý luận về hứng thú đã đề cập đến nhiều khía cạnh khác nhau của hứng thú, có thể khái quát thành 3 hướng nghiên cứu chính sau:

- Xu hướng thứ nhất: giải thích bản chất tâm lý học của hứng thú

Đại diện xu hướng này có A.F Beliaep với đề tài luận án tiến sĩ năm 1994 “Tâm lý học hứng thú”, nội dung cơ bản là những vấn đề lý luận tổng quát về hứng thú khoa học tâm lý.

- Xu hướng thứ hai: Xem xét hứng thú trong mối quan hệ với phát triển nhân cách nói chung và vốn tri thức của cá nhân nói riêng. Tiêu biểu cho xu hướng này có các tác giả sau:

L.L Bôgiovich với vấn đề “hứng thú trong quan hệ hình thành nhân cách” Lukin, Levitop nghiên cứu “hứng thú trong quan hệ với năng lực” I.G Xinhen nghiên cứu việc “Kích thích hứng thú và xu hướng trong giáo dục đoàn viên”. Ngoài ra còn có một số tác giả khác như: M.F Boliep, L.A Godon...

Trong những công trình nghiên cứu của mình các tác giả đã phân tích những điều kiện và khả năng giáo dục hứng thú trong quá trình học tập và lao động của học sinh.

Nhìn chung các công trình nghiên cứu lý luận về hứng thú đã đưa ra nhiều quan điểm về xung quanh vấn đề hứng thú, đưa ra các khái niệm hứng thú và sự hình thành hứng thú. Đây là những vấn đề lý luận cốt lõi đặt cơ sở cho việc nghiên cứu hứng thú ở mức độ sâu hơn trong các lĩnh vực hoạt động

- Xu hướng 3: Nghiên cứu sự hình thành và phát triển hứng thú theo giai đoạn lứa tuổi

Sukina đã “Nghiên cứu hứng thú riêng lẻ của từng trẻ em ở các lứa tuổi”. A.A Nherxky “Bàn về vấn đề giáo dục hứng thú cho học sinh cấp 1 và trung học” L.U Serop nghiên cứu “Hứng thú của học sinh ngoài nhà trường”.

Những công trình nghiên cứu này đã phân tích đặc điểm hứng thú của từng lứa tuổi, những điều kiện và khả năng giáo dục hứng thú trong các giai đoạn phát triển lứa tuổi của trẻ em.

1.1.2. Nghiên cứu thực tiễn về hứng thú

Trong thực tiễn cuộc sống của con người, hứng thú có mặt trong tất cả các mặt của hoạt động. Nhiều tác giả đã đi sâu nghiên cứu hứng thú trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau như: Hứng thú nhận thức, hứng thú nghề nghiệp, hứng thú học tập các bộ môn...

* Nghiên cứu hứng thú nhận thức:

Những công trình nghiên cứu hứng thú nhận thức chủ yếu đi sâu nghiên cứu hứng thú nhận thức của học sinh. Tiêu biểu là các tác giả sau đây:

I.U Lipkop nghiên cứu “Sự hình thành hứng thú nhận thức của thiếu niên trong quá trình giáo dục của giáo viên chủ nhiệm lớp” năm 1968.

V.N.Macsimova cũng nghiên cứu “Tác dụng của giảng dạy nêu vấn đề đến hứng thú nhận thức của học sinh” năm 1974.

Marosova nghiên cứu “Hứng thú trong mối quan hệ với hoạt động nâng cao hiệu quả giờ lên lớp”.

Nhìn chung các tác giả này đi sâu nghiên cứu hứng thú trong lĩnh vực giáo dục đặc biệt là hứng thú nhận thức. Các công trình nghiên cứu cho thấy hứng thú nhận thức là một trong những động cơ học tập có ý nghĩa nhất.

Nghiên cứu hứng thú nghề nghiệp:

Hứng thú nghề nghiệp là điều kiện để nâng cao năng suất lao động và cũng là điều kiện để người lao động thích ứng nhanh chóng với nghề nghiệp. Nhiều tác giả trong và ngoài nước đã đi sâu nghiên cứu lĩnh vực này.

+ *Các tác giả nước ngoài:*

Svichenlop và U.I Vavilop đã nghiên cứu “Hứng thú nghề nghiệp của học sinh”.

Kudomina nghiên cứu “Hứng thú nghề nghiệp của giáo viên”.

+ *Các tác giả trong nước:*

Phạm Tất Dong nghiên cứu “Vài đặc điểm hứng thú nghề nghiệp của học sinh lớn và nhiệm vụ hướng nghiệp”. Luận án năm 1973, theo tác giả, hứng thú học tập bộ môn của học sinh là cơ sở để đề ra nhiệm vụ hướng nghiệp một cách khoa học.

Hoài Kim Thu đã phân tích “Việc hình thành hứng thú nghề nghiệp cho học sinh qua giảng dạy môn Vật lý”. Luận văn năm 1998. Tác giả đã chỉ rõ mối quan hệ giữa hứng thú học tập bộ môn với hứng thú nghề nghiệp của học sinh.

Điểm chung giữa những công trình nghiên cứu về hứng thú nghề nghiệp là tìm hiểu, phân tích, vận dụng mối quan hệ giữa hứng thú học tập bộ môn với xu hướng nghề nghiệp của học sinh.

Nghiên cứu hứng thú học tập các bộ môn:

Vì hứng thú học tập giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả của quá trình dạy học nên việc nghiên cứu hứng thú học tập các bộ môn được rất nhiều tác giả nghiên cứu.

Nguyễn Minh Tuệ nghiên cứu “Hứng thú học tập Tâm lý học và biện pháp hình thành” Luận văn năm 1981. Tác giả đưa ra biện pháp tác động đến ý nghĩa thực tiễn – xã hội của bộ môn nhờ nội dung giáo trình để hình thành hứng thú học tập Tâm lý học cho sinh viên.

Bùi Quốc Đạt đã nghiên cứu “Hứng thú và năng lực tiếp nhận tác phẩm văn học trong chương trình phổ thông trung học của lớp 12 miền núi Thanh Hóa”, luận văn năm 1987. Theo kết quả nghiên cứu của tác giả thì sự tác động của các tác phẩm văn học, phương pháp giảng dạy của giáo viên và nội dung chương trình là ba yếu tố tác động đến hứng thú và năng lực tiếp nhận tác phẩm văn học của học sinh.

Phạm Thị Ngạn: “Nghiên cứu hứng thú học tập tâm lý học của sinh viên CĐSP Cần Thơ”, luận văn năm 2002. Biện pháp nâng cao hứng thú học tập tâm lý học, theo tác giả là cải tiến sử dụng hợp lý bài tập thực hành tâm lý học vào chương trình giảng dạy.

Nhìn chung các công trình nghiên cứu về hứng thú học tập bộ môn tiến hành trên phạm vi rộng, từ trung học cơ sở đến đại học. Các công trình này chủ yếu chỉ ra thực trạng hứng thú và các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú. Một số tác giả khi nghiên cứu hứng thú học tập môn Tâm lý học của sinh viên đã đưa ra biện pháp tác động nhằm nâng cao hứng thú cho người học.

Như vậy, nhìn tổng quát, ở bậc Tiểu học vấn đề hứng thú còn ít được nghiên cứu, đặc biệt là với môn Tự nhiên và xã hội.

1.2. Hứng thú nhận thức

1.2.1. Hứng thú nhận thức

Các nhà tâm lý học đã quy ước coi hứng thú học tập, hứng thú đối với sự tìm hiểu tri thức khoa học – một trường hợp riêng lẻ của hứng thú – là hứng thú nhận thức.

Hứng thú nhận thức có liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau của hoạt động nhận thức của con người. Hứng thú nhận thức là xu hướng lựa chọn của cá nhân nhằm vào việc nhận thức được một hoặc một số lĩnh vực khoa học, nhằm vào mặt nội dung của nó, cũng như nhằm vào quá trình hoạt động. Trong đó cá nhân không chỉ dừng lại ở những đặc điểm bên ngoài của sự vật, hiện tượng mà có xu thế đi sâu hơn vào cái bản chất bên trong của sự kiện, hiện tượng muốn nhận thức. Như vậy có thể nói: “Hứng thú nhận thức là sự định hướng có lựa chọn của cá nhân vào những sự vật và hiện tượng của thực tế xung quanh.

Yếu tố đặc trưng của hứng thú nhận thức là nó bao hàm thái độ nhận thức phức tạp đối với đối tượng, đối với kiến thức về sự vật hiện tượng, đối với ngành khoa học nghiên cứu sự kiện, hiện tượng đó. Thái độ nhận thức đó được thể hiện ra ở việc thường xuyên nghiên cứu sâu sắc, độc lập, tiếp thu kiến thức thuộc lĩnh vực mình thích thú, hoàn thiện phương pháp học tập, kiên trì khắc phục khó khăn nắm kiến thức và phương pháp tiếp thu kiến thức. Do đó, có thể nói các quá trình suy nghĩ là hạt nhân của hứng thú nhận thức. Nhưng trong hứng thú nhận thức, các quá trình suy nghĩ mang màu sắc xúc cảm rõ rệt.

Hứng thú nhận thức có liên quan chặt chẽ với một số hiện tượng gần gũi với nó như nhu cầu nhận thức, tính tò mò, ham hiểu biết,... nhưng không đồng nhất với chúng. Theo S.L Rubinstein thì nhu cầu làm nảy sinh nguyện vọng muốn nắm bắt đối tượng, còn hứng thú nhận thức thể hiện mong muốn hiểu biết đối tượng. Nhu cầu khi được thỏa mãn thì dẫn đến trạng thái mãn nguyện, bão hòa. Ngược lại, khi hứng thú nhận thức được thỏa mãn thì lại có được một “kích thích” mới khiến cho hứng thú nhận thức được tiếp tục củng cố. Như vậy nhu cầu không đồng nhất với hứng thú nhưng nó là cơ sở để hình thành hứng thú. Hơn nữa bản thân hứng thú cũng trở thành nhu cầu của cá nhân.

Tính tò mò là sự chú ý mạnh mẽ vào yếu tố bất ngờ, cái thay đổi, cái mới xuất hiện ở môi trường bên ngoài. Sự chú ý này có thể kéo dài và đầy xúc cảm nhưng chỉ xuất phát từ khía cạnh bên ngoài mà không đi sâu vào bản chất đối tượng. Tính tò mò bao gồm cả những xúc cảm đúng đắn lẫn động cơ trực tiếp, nhưng không bao hàm yếu tố nhận thức. Do đó tính tò mò sẽ mất đi nếu như không gây được ở học sinh lòng mong muốn tìm hiểu đối tượng một cách sâu sắc hơn. Một đứa trẻ ham hiểu biết thường “hứng thú” với mọi thứ xung quanh nhưng không có hứng thú đặc biệt sâu sắc với đối tượng nào.

1.2.2. Các giai đoạn phát triển của hứng thú nhận thức và tiêu chuẩn nhận biết nó

Để thấy rõ tính biến động của hứng thú nhận thức và ý nghĩa của nó trong đời sống tâm lý của con người, tiến sĩ N.G.Marozova đã phân tích các giai đoạn của hứng thú nhận thức trong quá trình phát triển của nó:

+ Giai đoạn đầu tiên của hứng thú nhận thức là sự rung động định kỳ. Ở giai đoạn này học sinh chưa có hứng thú thực sự. Do sự lôi cuốn bởi nội dung vấn đề do giáo viên trình bày, học sinh chăm chú lắng nghe, trực tiếp biểu lộ niềm vui trước cái mới. Rung động đó có thể mất đi khi giờ học kết thúc, nhưng cũng có thể trên cơ sở rung động đó, hứng thú được hình thành và phát triển.

+ Những rung động định kỳ được lặp lại lần này qua lần khác, được khái quát hóa trở thành thái độ nhận thức xúc cảm đối với đối tượng, tức là hứng thú được duy trì. Thái độ nhận thức xúc cảm với đối tượng sẽ thúc đẩy tính tích cực của học sinh – các em luôn đặt ra câu hỏi trước vấn đề thầy giáo đặt ra, suy nghĩ, tìm tòi lời giải đáp cả trong giờ học lẫn sau giờ học đã kết thúc.

Các giai đoạn phát triển này của hứng thú nhận thức gắn bó với nhau rất chặt chẽ và tùy thuộc vào quá trình người giáo viên tổ chức hoạt động cho học sinh thế nào.

Muốn phát triển hứng thú nhận thức ở học sinh ta phải nắm được những biểu hiện của nó. Theo N.G.marozova để phát hiện ra hứng thú nhận thức có thể căn cứ vào 3 nhóm dấu hiệu sau:

+ *Những biểu hiện hành vi và hoạt động của học sinh thể hiện trong quá trình hoạt động học tập trên lớp:* đặc trưng của nhóm dấu hiệu này là sự tích cực trong quá trình nhận thức của học sinh như: tập trung chú ý vào bài học, mong muốn được tìm hiểu bài, nghiêm túc, say sưa, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập, vui thích trước phát hiện ra tri thức mới của bài học, thỏa mãn với kết quả hoạt động học tập, mong mỗi đến giờ sau.

+ *Những biểu hiện về hành vi và hoạt động của học sinh thể hiện ở ngoài giờ học trên lớp:* học sinh tiếp tục tranh luận về vấn đề đặt ra trong tiết học, đưa ra những câu hỏi hoặc nêu lên suy luận của mình, tìm cách thực hiện nhiệm vụ một cách chu đáo, độc lập và sáng tạo, thậm chí cả những nhiệm vụ không bắt buộc..

+ *Những biểu hiện lối sống của học sinh xuất hiện do chịu ảnh hưởng của hứng thú nhận thức một môn học nào đó:* học sinh đọc thêm các loại sách báo nào, lựa chọn hình thức ngoại khóa nào, thái độ với mọi người xung quanh, mong muốn gì ở thầy cô, nhà trường, cha mẹ, ước mơ gì về tương lai, sử dụng thời gian rảnh rỗi như thế nào... Đó là những biểu hiện giúp ta phát hiện độ bền vững và cường độ của hứng thú nhận thức.

Các chỉ tiêu trên có mối qua lại với nhau. Chỉ dựa trên toàn bộ những chỉ tiêu đó mới đánh giá được mức độ phát triển của hứng thú nhận thức ở học sinh.

1.2.3. Sự hình thành và phát triển của hứng thú nhận thức

Những phân tích ở trên cho thấy hứng thú nhận thức có vai trò rất quan trọng trong hoạt động học tập nói riêng và trong việc phát triển thái độ của cá nhân với thực tiễn khách quan nói chung. Một trong những nhiệm vụ của nhà

sự phạm là hướng dẫn một cách kiên trì, có mục đích hứng thú của học sinh ngay từ tuổi thơ. Để giáo dục hứng thú có hiệu quả, các nhà giáo dục cần nắm được sự hình thành và mức độ phát triển của các loại hứng thú của trẻ. Trong thời đại phát triển mạnh mẽ như hiện nay khó có thể theo dõi chính xác được sự biến động theo lứa tuổi của hứng thú. Tuy vậy qua các công trình nghiên cứu về giáo dục học, tâm lý học của nhiều thế hệ tác giả, chúng ta có thể rút ra một số nhận xét về các giai đoạn phát triển của hứng thú nhận thức ở trẻ em theo lứa tuổi.

+ *Trẻ trước tuổi học*

Hứng thú nhận thức được bắt đầu hình thành từ khá sớm. Ban đầu hứng thú nhận thức được biểu hiện dưới dạng tò mò. Đó là sự phản ứng lại với hoàn cảnh thay đổi, với sự xuất hiện cái mới trong môi trường, hay còn gọi là “khát vọng định hướng trong tình huống”. Ngay từ những năm đầu tiên của cuộc đời, trẻ đã bị vật mới lạ, sự di động, âm thanh, màu sắc sặc sỡ, ánh sáng chói... của đối tượng hấp dẫn. Trẻ không rời mắt khỏi những vật kích thích đó và vươn tới tiếp xúc nhiều lần với nó. Nhưng sự tập trung vào đối tượng còn gắn tri giác nên chỉ có tính chất nhất thời, chưa phải là hứng thú, chính xác hơn có thể gọi là tiền hứng thú.

Sau đó tính ham hiểu biết xuất hiện. Lứa tuổi mẫu giáo là thời kỳ tính ham hiểu biết phát triển mạnh mẽ. Nhà tâm lý học nổi tiếng E.Clapare đã nói “Đứa trẻ là trẻ con không phải vì em chưa hiểu biết chuyện gì đó, mà vì em khao khát hiểu biết, trẻ mẫu giáo không chỉ ham thích đồ vật mới, không chỉ bị các hiện tượng mới gây hấp dẫn và làm ngạc nhiên mà còn muốn biết cả cấu tạo của các đồ vật, cách sử dụng, nguồn gốc của chúng... Do vậy hàng loạt câu hỏi “Tại sao?, để làm gì, sao lại như thế?”... được đặt ra. Theo N.Ph.Đobrunhin, A.G.Covaliop, ... đó chính là hình thức biểu hiện của hứng thú nhận thức. Nếu người lớn không coi thường các câu hỏi của các em, kích

thích các em tìm ra lời giải đáp phù hợp thì sẽ phát huy được tính tò mò, ham hiểu biết và khả năng quan sát ở trẻ. Cuối tuổi mẫu giáo, do sự hướng dẫn của người lớn, đặc biệt là của cô giáo, trẻ dần nảy sinh hứng thú học tập, hứng thú với cuộc sống nhà trường. Lòng ham hiểu biết, tính cần mẫn và niềm tin vào sức mạnh bản thân là phẩm chất rèn luyện cho trẻ ở lứa tuổi này.

+ *Học sinh tiểu học:*

6 tuổi – một bước ngoặt hạnh phúc trong cuộc đời mỗi con người. Sự kiện nhập trường gọi ra cho trẻ sự định hướng mạnh mẽ vào học tập và hứng thú toàn bộ cuộc sống nhà trường. Hứng thú nhận thức ở tuổi này được khơi sâu.

Trẻ mới tới trường dễ làm quen với những gì gây ấn tượng mạnh, thích thú trước hết với những gì gắn liền với học tập, với cuộc sống của trẻ và bạn bè cùng lớp, những cái gắn với vận động và hoạt động một cách trực tiếp và mang màu sắc xúc cảm. Trong những năm đầu cấp học này, hứng thú của trẻ chưa bền vững, nó còn mang tính chất nhất thời, dễ dàng thay đổi mà không có nguyên nhân, hứng thú còn mang tính phân tán, rời rạc. Trẻ quan tâm nhiều lĩnh vực khác nhau của tri thức, mà có thể lĩnh vực đó không hề liên quan tới nhau. Nhưng trẻ chỉ quan tâm đến những sự kiện bề ngoài và những cái gì đặc biệt, rõ nét khác thường mà không đi sâu vào bản chất. Dần dần hứng thú ở các em được phân hóa và khơi sâu. Các em đã có ý thức về ý nghĩa khác nhau của đối tượng trong thiên nhiên và trong cuộc sống. Một số em yêu thích Toán, số khác yêu thích Văn, số khác lại thích khám phá mọi vật xung quanh từ môn Tự nhiên và xã hội... Đến cuối cấp, cùng với mọi hoạt động trong giờ học và ngoài giờ học, phạm vi hứng thú nhận thức của trẻ được mở rộng, các em đã quan tâm tìm hiểu nguyên nhân các hiện tượng quan sát.

Một điều hết sức đáng lưu ý là ở lứa tuổi học sinh Tiểu học, hứng thú của trẻ gắn bó nhiều với người lớn, đặc biệt là nhân cách của người giáo viên. Giáo viên trong nhà trường tiểu học dường như có uy tín tuyệt đối với trẻ. Trẻ chấp nhận không điều kiện các yêu cầu, sự hướng dẫn của cô giáo. Thực tế trẻ

ở lứa tuổi này cũng rất cần sự hướng dẫn kiên trì, tỉ mỉ, vai trò “làm mẫu” của cô giáo. Nếu giáo viên thực sự say mê với nội dung bài học, biết tổ chức hoạt động học tập cho trẻ sao cho đáp ứng được nhu cầu đó thì hứng thú học tập của học sinh sẽ được phát triển. Trên cơ sở đó hình thành nhân cách cho trẻ.

+ *Học sinh trung học*

Chuyển lên trường phổ thông trung học, học sinh chuyển sang một giai đoạn mới. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của tư duy lí luận, sự mở rộng của phạm vi hiểu biết và sự thay đổi trong cách nhìn nhận những mối quan hệ của sự vật hiện tượng trong thực tế khách quan, hứng thú nhận thức của học sinh trở nên sâu sắc, bền vững và có tính phân hóa hơn. Nhiều em đã dần có hứng thú ổn định với một môn học nào đó. Hứng thú đó trở thành một trong những động cơ học tập chủ yếu của các em. Nó kích thích khát vọng thường xuyên mở rộng và đào sâu tri thức trong những lĩnh vực khoa học đó.

Ở đầu cấp học, nét trung tâm cấu trúc nhân cách của lứa tuổi thiếu niên là “cảm giác về sự trưởng thành”. Cảm giác này khiến cho các em luôn có thái độ tự khẳng định mình, tính tích cực trí tuệ tăng lên, hứng thú của tuổi thiếu niên không những trở nên rộng rãi mà còn sâu sắc hơn các em học sinh tiểu học. Tuy nhiên chiều sâu của hứng thú chưa đáng kể. Giữa các em thiếu niên đã có sự khác nhau đáng kể về hứng thú môn học, mức độ phát triển và tính chất của hứng thú. Có em có hứng thú rộng rãi, phân tán, có em có hứng thú bền vững, sâu sắc. Nếu không có hướng dẫn kịp thời dễ có tình trạng hứng thú này gạt bỏ hứng thú kia, hoặc ở một số em có hứng thú không lành mạnh. Sự phân hóa hứng thú ở lứa tuổi này đặt ra vấn đề quan trọng trong công tác giáo dục nhà trường. Giáo viên phải chú ý đến hứng thú chính của mỗi học sinh, thức tỉnh ở học sinh hứng thú nhận thức sâu sắc với đối tượng.

Cuối cấp học phổ thông là thời kì “kết thúc về căn bản cả một quá trình trưởng thành và phát triển dài của đứa trẻ về sinh lý cũng như tâm lý”. Học

sinh ngày một trưởng thành, kinh nghiệm của các em ngày càng phong phú, các em ý thức được mình đang đứng trước ngưỡng cửa của cuộc đời. Khác với tuổi thiếu niên đầu cấp, hứng thú học tập của nhiều em đã gắn liền với xu hướng nghề nghiệp. Có một điều đáng lưu ý ở lứa tuổi này, hứng thú sâu sắc và bền vững với môn học dễ dẫn đến tình trạng học sinh chăm chỉ, cố gắng với một cường độ đặc biệt để có được sự hiểu biết sâu sắc và phong phú trong lĩnh vực mà các em quan tâm, mặt khác sẽ lơ là, sao nhãng các môn học khác. Do đó đòi hỏi giáo viên phải không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết sâu rộng ở môn học mà mình phụ trách, say sưa nghề nghiệp và linh hoạt nhạy bén để kịp thời động viên học sinh trong học tập. Bên cạnh hứng thú học tập, các em học sinh lớn còn hứng thú mạnh mẽ với cả những vấn đề phong phú của mối quan hệ giữa con người với con người, vai trò, vị trí của mỗi con người trong xã hội. Các em bắt đầu suy nghĩ kĩ về bản thân, về vị trí, nhiệm vụ của mình trong xã hội, về ý nghĩa cuộc sống. Do đó, ở lứa tuổi này có những cơ sở thuận lợi cho việc giáo dục lòng nhân ái và thế giới quan.

Sự phát triển hứng thú nhận thức gắn liền với sự phát triển lứa tuổi. Cần phải có một trình độ, kinh nghiệm tổ chức hoạt động học tập và các hoạt động khác trong nhà trường một cách có chất lượng và đạt đến sự phong phú nhất định mới tạo điều kiện cho trẻ tham gia các hoạt động đa dạng, có tính chất sáng tạo để hình thành cho trẻ những hứng thú bền vững.

1.2.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển hứng thú nhận thức

Trong quá trình phát triển tâm lý cá nhân, có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển hứng thú nhận thức của học sinh. Như đã trình bày ở trên, ta thấy rằng các mặt nhận thức, tình cảm, ý chí hòa hợp với nhau một cách độc đáo, có quan hệ qua lại chặt chẽ với nhau, tạo nên một thể thống nhất trong hứng thú nhận thức, chính sự thống nhất đó của quá trình tâm lý là

cơ sở của mối quan hệ giữa chủ thể và đối tượng. Nhưng cũng có yếu tố làm trung gian cho mối quan hệ đó và ảnh hưởng tới hứng thú nhận thức của học sinh. Vì vậy, có thể chia những yếu tố ảnh hưởng tới sự hình thành hứng thú nhận thức của học sinh thành hai nhóm:

+ *Những yếu tố chủ quan*

Thực chất của hứng thú nhận thức là quá trình nhận thức đi sâu vào bản chất đối tượng, là nguyện vọng tương đối bền vững muốn nghiên cứu một lĩnh vực kiến thức nhất định một cách thường xuyên và sâu sắc. Do vậy, trình độ phát triển trí tuệ là cơ sở cần thiết và là một điều kiện quan trọng để bồi dưỡng hứng thú nhận thức. Chỉ khi cá nhân hiểu biết được giá trị và ý nghĩa của hoạt động mới nảy sinh thái độ tích cực trong hoạt động nhận thức. Chính thái độ tích cực là cơ sở củng cố cho hứng thú nhận thức. Một vốn liếng tri thức nào đó là cơ sở cần thiết để nảy sinh những vấn đề (những câu hỏi) nhận thức khi bắt gặp một tri thức mới mâu thuẫn với biểu tượng trước đó. Những câu hỏi như vậy thường kích thích học sinh tìm cách giải quyết, đó là một trong những điều kiện cơ bản làm xuất hiện hứng thú nhận thức. Mặt khác sự phát triển trí tuệ cá nhân còn là cơ sở để tạo ra thành tích và cùng với nó là xúc cảm của sự thành công. Nhưng ta cũng cần lưu ý rằng thành tích đó đạt được bằng mức độ lao động như thế nào. Sự thành công quá dễ dàng không tạo nên một sự thỏa mãn nào, không tạo ra niềm vui, mà trái lại gây ra chán nản. Còn thành công có được do nỗ lực cá nhân, cá nhân phải đạt tới một khả năng nhất định mới kích thích các em tham gia hoạt động. Nói cách khác chỉ có những thành công hướng vào “vùng phát triển gần nhất” theo khái niệm của nhà tâm lý học L.X.Vugoxki, tức là hướng vào giai đoạn phát triển sắp tới của trẻ mới làm cho trẻ sung sướng, hứng thú nhận thức thực sự.

Tóm lại, sự xuất hiện hứng thú nhận thức trước hết phụ thuộc vào trình độ phát triển, kinh nghiệm sống và vốn tri thức của các em. Yếu tố đó vừa là

mảnh đất nuôi dưỡng hứng thú, vừa tạo ra chất liệu cho hứng thú. Vì vậy nhà trường và giáo viên phải tổ chức hoạt động cho trẻ nói chung và hoạt động học tập nói riêng sao cho các em nắm vững các thao tác tư duy, giúp trẻ mở rộng vốn tri thức ở các lĩnh vực đang được học tập.

Bên cạnh trình độ phát triển nhất định của trí tuệ, thái độ đúng đắn đối với học tập ở trường cũng có vai trò không kém phần quan trọng đối với sự phát triển hứng thú nhận thức.

Thái độ đúng đắn đối với đối tượng được N.G.Morozova xem là một yếu tố đi trước của hứng thú nhận thức. Các nghiên cứu tâm lý học, giáo dục học cho thấy thái độ đúng đắn với đối tượng được thể hiện ở hai mặt: Thứ nhất là ở thái độ xúc cảm đúng đắn với đối tượng, thứ hai là ở thái độ có ý thức đối với đối tượng. Hai mặt này luôn tác động qua lại với nhau tạo thành cơ sở quan trọng của sự phát triển hứng thú nhận thức.

Thái độ xúc cảm đúng đắn với đối tượng của hứng thú là tổ hợp những rung cảm đúng đắn có liên quan tới những gì diễn ra đồng thời với quá trình lĩnh hội một tri thức nào đó. Trong quá trình học tập và hoạt động của học sinh, những xúc cảm như niềm vui phát hiện ra điều gì mới mẻ, xúc cảm hồi hộp chờ đợi một cái mới, niềm phấn khởi về kết quả học tập, về thành tích đạt được, rung động trước tấm gương mẫu mực của người khác... là những xúc cảm tích cực, cùng tham gia chuẩn bị tạo nên thái độ đúng đắn đối với đối tượng, trực tiếp giúp cho hứng thú nhận thức được duy trì và phát triển.

Thái độ có ý thức với học tập nói chung, với đối tượng hứng thú nhận thức nói riêng, sự hiểu biết về ý nghĩa xã hội cũng như ý nghĩa cá nhân của nó cũng là tiền đề quan trọng của sự hình thành hứng thú nhận thức.

Hai mặt trên gắn bó chặt chẽ với nhau, hỗ trợ, bổ sung cho nhau. A.G.Covaliop đã phân tích: “hứng thú nhận thức có thể được hình thành một cách tự phát và không có ý thức, do sự vật có sự hấp dẫn về tình cảm sau đó

mới dẫn đến nhận thức ý nghĩa cần thiết của đối tượng. Quá trình hình thành theo hướng ngược lại: từ chỗ ý thức về ý nghĩa của đối tượng đến chỗ bị đối tượng hấp dẫn”. Nếu không có yếu tố đi trước này khó có thể bồi dưỡng hứng thú nhận thức cho học sinh. Đó cũng là vấn đề mà giáo viên cũng như các bậc phụ huynh cần chú ý để giáo dục trẻ có thái độ xúc cảm và ý thức đúng đắn với từng môn học.

Ngoài các yếu tố quan trọng kể trên, sự hình thành và phát triển hứng thú nhận thức còn phụ thuộc vào một số đặc điểm tâm lý cá nhân khác như nhu cầu, năng lực...

Như trên đã khẳng định, khái niệm hứng thú có liên quan chặt chẽ tới nhu cầu. Nhưng không phải nhu cầu nào cũng nảy sinh hứng thú. Hứng thú nhận thức chỉ có thể nảy sinh từ nhu cầu nhận thức – nhu cầu hiểu biết – một loại nhu cầu cơ bản nhất của con người. Đó chính là tính ham hiểu biết. Khi tính ham hiểu biết gặp gỡ liên kết với khả năng, năng lực khi ấy thành công xuất hiện và nó đẻ ra nuôi dưỡng hứng thú. Hứng thú đối với một tri thức nào đó, hoặc một phạm vi hoạt động nhất định là dấu hiệu chứng tỏ người ấy có khả năng phát huy năng lực về mặt đó. L.X.Xolovaytric đã nhận xét rằng: “Hứng thú đến mức mãnh liệt, đắm say thường là dấu hiệu của những năng lực to lớn”.

Ngoài ra hứng thú còn được phát triển trên cơ sở có sự tham gia của ý chí, thói quen.

Tóm lại, hứng thú nhận thức của trẻ được phát triển cùng với sự phát triển của các quá trình tâm lý khác, trước hết sự phát triển của nó phụ thuộc vào trình độ phát triển trí tuệ của trẻ, thái độ đúng đắn của trẻ với đối tượng nhận thức, tình cảm, nhu cầu, năng lực, ý chí, thói quen... của mỗi trẻ em. Tuy vậy một vấn đề có ý nghĩa giáo dục đặt ra là có những yếu tố khách quan nào ảnh hưởng tới sự phát triển nhận thức của trẻ.

+ *Những yếu tố khách quan:*

- Đặc điểm của môn học: Mỗi môn học đều có những đặc điểm nhất định, có tác dụng nhất định đối với đời sống con người nói chung, đối với việc đào tạo toàn diện con người nói riêng. Đặc điểm của mỗi môn học về loại hình, về chức năng... chi phối toàn bộ nội dung môn học. Có những môn phát triển tư duy logic cho trẻ lại có những môn phát triển tư duy hình tượng. Có những môn học dễ gây hứng thú cho trẻ, có môn lại không dễ gì gây hứng thú cho trẻ. Điều đó khiến các nhà sư phạm phải nghiên cứu phương pháp giảng dạy môn học cho từng cấp học cho phù hợp. Tạo ra tính “vừa sức” cho học sinh. Bởi như ta đã biết trẻ không thể hứng thú với những gì quá khó hiểu, quá rắc rối.

- Điều kiện cơ sở vật chất cần thiết: Đây không phải là yếu tố duy nhất quyết định, song rất cần thiết để tạo hứng thú học tập cho trẻ, tạo điều kiện để học sinh học tập có kết quả, kích thích học sinh học tập có hứng thú. Trường lớp sáng sủa, trang bị dạy học được trang bị đầy đủ, sách dùng cho mỗi môn học đến tay cho từng học sinh, không khí sư phạm của nhà trường, lịch hoạt động và học tập hợp lý... tất cả đều góp phần tạo nên một bầu không khí tốt cho học sinh bước vào hoạt động học tập có thể căng thẳng nhưng không mệt mỏi, hào hứng nhưng mà vẫn nhẹ nhàng thoải mái. Tâm thế đó cũng là một trong những yếu tố quan trọng góp phần vào hứng thú nhận thức.

- Thái độ của cha mẹ, anh chị em đối với việc học tập của trẻ cũng có ảnh hưởng không nhỏ tới sự hình thành nhận thức của các em. Chính gia đình đã cung cấp cho trẻ những kinh nghiệm sống đầu tiên, là nơi tạo dựng cơ sở vững chắc cho việc hình thành những phẩm chất đạo đức, trí tuệ, niềm tin cho trẻ ngay từ tuổi thơ bé. Về nhiều mặt gia đình có tác dụng to lớn trong việc hướng dẫn và tạo điều kiện cho hứng thú của trẻ sớm hình thành và phát triển,

hoặc ngược lại, bị thui chột ngay từ đầu. Do vậy, nếu gia đình biết kịp thời và nuôi dưỡng hứng thú cho trẻ thì sẽ góp phần không nhỏ trong việc phát triển hứng thú học tập và năng lực cho con em mình.

- Tập thể học sinh cũng có vai trò to lớn trong việc kích thích hứng thú học tập cho các em. N.G.Marozova đã viết: “Dựa vào tập thể này, người giáo viên có thể thu hút vào việc học tập ngay cả những học sinh xa lánh lớp, những học trò thờ ơ với lao động và học tập”. Ban đầu có thể là tình bạn, tình thân ái cùng nhau hoạt động và chia sẻ niềm vui, tìm tòi, sáng tạo. Tiếp đến là sự giúp đỡ lẫn nhau, trao đổi, bàn bạc, tranh luận... trong học tập. Làm cho kết quả học tập không ngừng tăng lên. Mặt khác nhờ dư luận tích cực của tập thể, học sinh cũng tăng cường tính tích cực và tự giác trong học tập, sẵn sàng về mặt tâm lý để giải quyết nhiệm vụ học tập mà giáo viên hay tập thể phân công. Bởi vậy, nếu lớp học là một tập thể trẻ có sắc thái phấn chấn, khỏe khoắn trong mọi hoạt động nhất là học tập, có dư luận tập thể lành mạnh sẽ đóng một vai trò không nhỏ trong việc hình thành thái độ đúng đắn trong học tập.

- Nhiều công trình nghiên cứu nhận thức ở học sinh của nhiều tác giả đã chỉ ra rằng: Trong những nguyên nhân khách quan thì người giáo viên là yếu tố nhất định đối với việc hình thành yếu tố nhận thức của học sinh, đặc biệt với lứa tuổi tiểu học, vai trò của giáo viên càng lớn. Bởi vậy, nếu giáo viên tiểu học có trình độ hiểu biết sâu sắc bộ môn mà họ phụ trách có tài nghệ sư phạm, lòng yêu trẻ, say mê nghề nghiệp sẽ là nguồn vô tận tạo nên những dung cảm niềm vui nhận thức và tinh thần hứng khởi trong học tập. Có thể nói nhân cách của giáo viên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc hình thành ở học sinh thái độ đúng đắn với học tập nói chung và với từng môn học nói riêng.

Tóm lại, hứng thú nhận thức nảy sinh và phát triển dưới ảnh hưởng qua lại giữa yếu tố bên trong (yếu tố chủ quan) và những yếu tố bên ngoài (yếu tố khách quan). Trước hết chúng chỉ nảy sinh và phát triển trong hoạt động, hoạt

động của trẻ càng đa dạng, càng phong phú và có tính sáng tạo thì hứng thú của trẻ càng phát triển mạnh. Nhưng chất lượng hoạt động của trẻ lại được phát triển dưới ảnh hưởng chỉ đạo của giáo dục. Do đó, hoạt động giảng dạy và học tập là những hoạt động căn bản không thể tách rời nhau để hình thành yếu tố nhận thức. Tuy nhiên sự kết hợp giữa giáo dục nhà trường và giáo dục gia đình cũng rất cần thiết cho sự hình thành hứng thú học tập cho học sinh.

1.3. Hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội của học sinh

1.3.1. Đặc điểm bộ môn Tự nhiên và xã hội trong trường phổ thông

Khác với chương trình cũ, trong chương trình tiểu học mới môn Tự nhiên và Xã hội là môn học chỉ được dạy từ lớp 1 đến lớp 3. Môn học này được cấu trúc từ 3 chủ đề: Con người và Sức khỏe, Xã hội, Tự nhiên. Ba chủ đề này là kết quả từ việc tích hợp 7 chủ đề ở giai đoạn I của môn học Tự nhiên và Xã hội và môn Giáo dục sức khỏe trong chương trình Cải cách. Nội dung giáo dục sức khỏe được tích hợp một cách chặt chẽ trong cả 3 chủ đề của môn học: Con người và Sức khỏe, Xã hội, Tự nhiên.

Nội dung dạy học của chủ đề:

Chủ đề Xã hội là kết quả của việc tích hợp các bài học về gia đình, trường học và quê hương của chương trình cũ với nội dung giáo dục sức khỏe. Nội dung giáo dục sức khỏe được tích hợp ở đây bao gồm sức khỏe tinh thần khi học về các nội dung về mối quan hệ họ hàng, cuộc sống an toàn và vệ sinh môi trường.

Nội dung về gia đình bao gồm: các thành viên và công việc của các thành viên trong gia đình; vệ sinh nhà ở; an toàn khi ở nhà.

Nội dung về trường học bao gồm: các thành viên trong lớp học, trường học và công việc của họ trong lớp và trong trường học; vệ sinh trường, lớp học; an toàn khi ở trường.

Nội dung về quê hương bao gồm: nơi học sinh đang sống ở làng quê hay đô thị: phong cảnh và hoạt động sinh sống, nghề nghiệp, đường xá và các phương tiện giao thông, một số cơ sở hành chính, giáo dục, y tế, kinh tế; vệ sinh nơi công cộng; an toàn khi tham gia giao thông.

Môn Tự nhiên và xã hội là môn học có vị trí quan trọng, nó gắn gũi với các em học sinh. Học xong môn này học sinh sẽ có những kiến thức cơ bản về con người và sức khỏe, những hiện tượng cơ bản, đơn giản trong tự nhiên và xã hội, bước đầu biết chăm sóc bản thân và cộng đồng, có ý thức giữ gìn vệ sinh, yêu thiên nhiên, gia đình dòng họ.

Môn Tự nhiên và xã hội lớp 3 cũng xoay quanh 3 chủ đề trên:

+ *Chủ đề “Con người và sức khỏe”* gồm 18 bài giúp các em tìm hiểu về một số cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể như cơ quan hô hấp, cơ quan tuần hoàn, cơ quan bài tiết nước tiểu, cơ quan thần kinh, cách vệ sinh, phòng tránh một số bệnh của các cơ quan trên.

+ *Chủ đề “Xã hội”* gồm 21 bài (bao gồm cả bài ôn tập) giúp các em tìm hiểu về các thế hệ trong gia đình, một số hoạt động khi ở nhà, ở trường, cách bảo vệ an toàn cho bản thân khi đi xe đạp và cách vệ sinh môi trường

+ *Chủ đề “Tự nhiên”* gồm 31 bài (cả những tiết kiểm tra) giúp các em tìm hiểu về các bộ phận của cây như rễ, thân, lá, hoa, quả, các loài động vật, côn trùng, tìm hiểu về Trái đất, sự chuyển động của Trái đất và mặt trăng...

Tóm lại, Tự nhiên và xã hội là môn học tích hợp rất nhiều kiến thức trong xã hội và tự nhiên, với các lớp 1, 2, 3 thì đây là những kiến thức sơ giản, ban đầu, tạo cho các em có những hành trang để học tập lên các lớp cao hơn.

1.3.2. Một số đặc điểm của học sinh Tiểu học trong học tập

Học sinh tiểu học là các em học từ lớp 1 đến lớp 5 (tuổi từ 6,7 đến 11 tuổi, hay 12 tuổi, còn được gọi là lứa tuổi nhi đồng). Đây là lứa tuổi các em trở thành một học sinh ở trường phổ thông chứ không còn là một em bé mẫu

giáo “học mà chơi, chơi mà học nữa”. Đó là một chuyển biến quan trọng trong sự phát triển của trẻ, một đặc trưng quan trọng của lứa tuổi này.

***Đặc điểm tâm lý của học sinh Tiểu học**

+ *Đặc điểm về nhận thức*

Tri giác của các em đã hơn hẳn tuổi mẫu giáo: bắt đầu biết tri giác có tính tổng hợp và phân tích, tri giác một cách khá sâu sắc, đầy đủ. Tính có chủ định đã phát triển khá cao, nhưng tính không chủ định còn chiếm ưu thế. Các em nhạy cảm với các tác động từ bên ngoài vì hệ thống tín hiệu thứ nhất còn chiếm ưu thế. Thị giác khá nhạy bén, tuy nhiên khả năng phân tích thị giác còn yếu, trẻ thường có khuynh hướng đoán vội vàng nên các em chưa phân biệt được chính xác các sự vật giống nhau, chưa tri giác đúng độ dài và khoảng cách.

Trí nhớ của học sinh Tiểu học đang phát triển mạnh, tính chủ định cũng như tính không chủ định. Ở cấp đầu trẻ có khuynh hướng ghi nhớ máy móc, học thuộc lòng tài liệu đúng từng câu, từng chữ. Nếu được hướng dẫn, trẻ có thể ghi nhớ hợp lý hơn, tính có ý nghĩa tăng lên. Việc ghi nhớ tài liệu trực quan, hình tượng có nhiều hiệu quả nhất. Tuy nhiên, việc ghi nhớ các tài liệu từ ngữ tăng rất nhanh, nhất là ở cuối cấp nhưng phải dựa trên những tài liệu trực quan hình tượng mới vững chắc.

Chú ý không chủ định vẫn chiếm ưu thế. Chú ý có chủ định đang phát triển. Sức tập trung chú ý và tính bền vững của chú ý chưa cao: Học sinh lớp 1, 2 tập trung chú ý tốt khoảng 20 – 25 phút, các lớp cuối cấp khoảng 30 – 35 phút. Khối lượng chú ý không lớn (chỉ 2, 3 đối tượng so với 5,6 đối tượng ở người lớn).

Tưởng tượng của các em phát triển mạnh và phong phú hơn so với trẻ mẫu giáo. Quá trình tưởng tượng còn tản mạn, ít tổ chức, hình ảnh tưởng tượng chưa được gọt giũa, chưa bền vững. Càng về cuối cấp, tưởng tượng của học sinh càng hiện thực hơn, càng phản ánh thực tế khách quan đầy đủ và

đúng đắn hơn. Nhưng ở lớp 4, 5 các em có khả năng tưởng tượng sáng tạo vì biết dựa vào ngôn ngữ để xây dựng các hình ảnh tưởng tượng mang tính trừu tượng, khái quát cao hơn.

Tư duy ở học sinh Tiểu học chuyển dần từ tính cụ thể trực quan sang tính trừu tượng khái quát, cuối cấp trẻ có thể tìm thấy mối liên hệ nhân quả trên các tài liệu trực quan hay trên hành động. Tư duy của các em còn mang tính xúc cảm

Ngôn ngữ của các em phát triển mạnh cả về ngữ âm, ngữ pháp và từ ngữ. Học sinh cuối bậc Tiểu học đã nắm được ngữ âm, song hiện tượng phát âm sai ở học sinh Tiểu học gần như phổ biến.

***Đặc điểm nhân cách**

Học sinh Tiểu học dễ cảm xúc trước thế giới. Các em sống bằng nhiều tình cảm và bị ảnh hưởng nhiều bởi tình cảm. Các em dễ bị “lây” những cảm xúc của người khác. Năng lực tự kiểm chế những biểu hiện tình cảm còn yếu. Những tình cảm cao cấp đang hình thành.

Những phẩm chất ý chí và tính cách của học sinh Tiểu học cũng đã bắt đầu nảy sinh và phát triển. Các em có thể rèn luyện để có tính kế hoạch, tính kiên trì, nhẫn nại... nhưng nó chưa trở thành nét tính cách vững chắc. Tính độc lập còn yếu. Những nét tính cách tốt đã có thể được hình thành ở các em như tính thật thà, dũng cảm...

Năng lực tự chủ đã có nhưng còn yếu, tính tự phát còn nhiều, do đó khó giữ kỉ luật, trật tự. Nhiều khi các em vi phạm kỉ luật một cách vô ý thức. Các em có tính hiếu động cao, thích vận động, chạy nhảy.

1.3.3. Hứng thú học Tự nhiên và xã hội

Trước hết cần xác định được đối tượng của hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội. Đối với mỗi môn học nói chung và môn Tự nhiên và xã hội nói riêng thì hứng thú học tập bao gồm cả hứng thú với bản thân môn học và

hứng thú với hoạt động học tập bộ môn. Đối tượng của hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội bao gồm cả Tự nhiên và xã hội và hoạt động học môn này. Hứng thú với môn Tự nhiên và xã hội là hứng thú với hệ thống tri thức và kỹ năng kỹ xảo tương ứng với hệ thống tri thức.

Vậy hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội là thái độ học tập tích cực của cá nhân với môn Tự nhiên và xã hội, với hoạt động học tập bộ môn do nhận thức được ý nghĩa của môn học và môn học có khả năng đem lại cho cá nhân khoái cảm trong quá trình học.

Các chỉ số của hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội bao gồm: nhận thức, xúc cảm và hành vi.

Mặt nhận thức: bao gồm nhận thức về môn học và nhận thức về hoạt động học tập bộ môn. Muốn có hứng thú học tập học sinh phải hiểu tầm quan trọng của môn học, sự cần thiết của tất cả các khâu trong quá trình học môn Tự nhiên và xã hội, là nguồn vui...

Mặt thái độ: Bao gồm thái độ xúc cảm tích cực với môn Tự nhiên và xã hội và hoạt động học môn Tự nhiên và xã hội. Cụ thể là:

- Tâm trạng háo hức chờ đợi môn Tự nhiên và xã hội
- Có niềm vui nhận thức cùng sự thích thú khi tiếp nhận các tri thức của môn Tự nhiên và xã hội.
- Thích thú khi thực hiện các nhiệm vụ học tập
- Thích thú với nhiều phần trong nội dung môn Tự nhiên và xã hội
- Vui sướng với những thành công trong học tập
-

Mặt hành vi: Hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội của học sinh được biểu hiện ra ở mặt hành vi và hoạt động tích cực của học sinh nhằm tiếp thu tri thức của môn này. Chẳng hạn:

- Tập trung chú ý nghe giảng

- Hăng hái phát biểu xây dựng bài
- Làm đầy đủ bài tập mà giáo viên giao
- Xem bài trước khi đến lớp
- Nêu thắc mắc ngay nếu chưa hiểu
- Tự giác học Tự nhiên và xã hội
- Tìm đọc các cuốn sách về môn Tự nhiên và xã hội.
-

Ba thành phần trong cấu trúc của hứng thú học tập cũng là ba chỉ số hình thành và phát triển hứng thú học tập Tự nhiên và xã hội. Ba thành phần này liên kết với nhau và tương tác lẫn nhau. Sự phát triển của từng thành phần riêng lẻ được quy định bởi mối liên kết giữa ba thành phần trên. Điều đó thể hiện sự thống nhất giữa nhận thức, tình cảm và hành động trong cấu trúc tâm lý cá nhân. Muốn tác động đến sự hình thành và phát triển hứng thú học Tự nhiên và xã hội cho học sinh phải tìm ra biện pháp tác động đồng thời cả ba thành phần trên.

Nhận thức – xúc cảm – hành vi cũng là ba tiêu chí đánh giá mức độ phát triển của hứng thú. Mức độ phát triển của từng mặt trong mối quan hệ tương tác chung giữa cả ba mặt là căn cứ để đánh giá mức độ phát triển của hứng thú học tập Tự nhiên và xã hội của học sinh.

Nhìn chung, mối liên kết là sự phát triển đồng bộ của nhận thức xúc cảm và hành vi là cơ sở lý luận, là cái trục lý luận để xem xét hứng thú học Tự nhiên và xã hội của học sinh.

Chương 2

THỰC TRẠNG HỨNG THÚ HỌC TẬP MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI CỦA HỌC SINH LỚP 3 TRƯỜNG TIỂU HỌC TIÊN DƯƠNG. NGUYÊN NHÂN CỦA THỰC TRẠNG ĐÓ VÀ BIỆN PHÁP NHẪM NÂNG CAO HỨNG THÚ HỌC TẬP CHO HỌC SINH

2.1. Các phương pháp tiến hành khảo sát

Phương pháp nghiên cứu được chúng tôi sử dụng là phương pháp điều tra viết nhằm mục đích phát hiện thực trạng hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội của học sinh lớp 3 trường Tiểu học Tiên Dương. Khách thể nghiên cứu là 100 em học sinh lớp 3 (thuộc 2 lớp 3A và 3B của trường Tiểu học Tiên Dương năm học 2013- 2014).

Vấn đề then chốt của phương pháp này là việc xây dựng hệ thống câu hỏi. Dựa vào quan điểm cơ bản của một số nhà tâm lý học Xô Viết chuyên nghiên cứu về hứng thú đã được trình bày ở trên, đặc biệt dựa vào phân tích của tiến sĩ tâm lý học N.G.Marozova về các yếu tố đặc trưng của hứng thú, ba giai đoạn phát triển khác nhau của nó và những chỉ tiêu của hứng thú nhận thức, chúng tôi xây dựng các câu hỏi điều tra theo một số nguyên tắc sau:

- Câu hỏi có nội dung rõ ràng, nhằm bộc lộ thái độ của các em một cách rõ nét ở từng mức độ.

- Các câu hỏi phải có thứ tự ràng buộc nhau. Nếu các câu hỏi có cùng nội dung thì cách hỏi phải khác nhau để phát hiện ra mâu thuẫn giữa các câu trả lời.

- Bên cạnh các câu hỏi “kín” (là những câu hỏi có sẵn phương án trả lời, các em sẽ chọn và đánh dấu vào câu trả lời nào vừa ý của em) là những câu hỏi “mở” để các em được trả lời tự do theo ý nghĩ của mình. Trong thời gian 1 tiết (35 phút) để làm bài điều tra thì số lượng câu hỏi mở phải ít hơn các câu hỏi kín.

- Các câu hỏi trong hai mẫu điều tra phải bao gồm cả hai phần: cho phép phát hiện thực trạng tình hình hứng thú học Tự nhiên và xã hội và nguyên nhân của nó.

- Các câu hỏi phát hiện tình hình hứng thú phải bao quát được tất cả các biểu hiện của hứng thú học Tự nhiên và xã hội trong giờ học Tự nhiên và xã hội, ngoài giờ học, trong lối sống của học sinh.

- Các câu hỏi tìm nguyên nhân tình hình hứng thú học Tự nhiên và xã hội phải thể hiện được cả hai mặt: chủ quan và khách quan, nguyên nhân tích cực gây hứng thú học Tự nhiên và xã hội và cả nguyên nhân tiêu cực làm các em chán học Tự nhiên và xã hội.

Đây là một vấn đề thuộc vấn đề tâm lý học mà nghiên cứu tâm lý thì không thể không nghiên cứu trên lời nói, cử chỉ, thái độ, hành động...tức là biểu hiện ra bên ngoài của học sinh. Do vậy, bên cạnh phương pháp điều tra viết, chúng tôi còn dùng phương pháp trò chuyện, như những phương pháp phụ trợ để làm tăng độ tin cậy với các kết quả của phương pháp điều tra viết.

2.2. Tình hình hứng thú học môn Tự nhiên và Xã hội của học sinh lớp 3 trường Tiểu học Tiên Dương

2.2.1. Rung động nhận thức của học sinh đối với môn học

Căn cứ vào quan điểm cho rằng có thể coi hứng thú như là thái độ nhận thức – xúc cảm (thái độ này nảy sinh từ rung động nhận thức – xúc cảm) đối với đối tượng, trước hết tôi đặt câu hỏi có tính chất phỏng vấn toàn mẫu 100 em học sinh lớp 3(50 em học sinh lớp 3A và 50 em học sinh lớp 3B) nhằm tìm hiểu sự rung động nhận thức có xúc cảm của học sinh đối với môn Tự nhiên và xã hội. Để thu được kết quả một cách khách quan, tránh hỏi trực diện vào môn Tự nhiên và xã hội (là môn được điều tra) tôi đề nghị các em trả lời theo 5 mức độ (rất thích, thích, bình thường, không thích và chán) đối với 8 môn học đang được thực hiện giảng dạy trong nhà trường (mẫu 1 – câu 1)

đồng thời để lượng hóa mức độ “thích môn Tự nhiên và xã hội” trong mối tương quan với mức độ thích các môn khác, tôi quy ước tính điểm trung bình cả 5 mức độ như sau: môn học nào học sinh trả lời “rất thích” được + 2 điểm; “thích” được + 1 điểm; “bình thường” được 0 điểm; “không thích” được -1 điểm; “chán” được -2 điểm. Kết quả thu được như sau: (Xem bảng 1a và 1b)

Nếu lấy số điểm quy ước cho mức độ “thích” là 1 thì nhìn vào bảng 1a ta thấy học sinh đặc biệt ưa thích môn thể dục (điểm trung bình là 1,51). Điều này chứng tỏ lứa tuổi này nhu cầu vận động của các em rất cao. Môn Toán, Tiếng việt, cũng là môn được các em ưa thích hơn các môn học khác (điểm trung bình đều lớn hơn 1). Môn Tự nhiên và xã hội là môn các em thích thứ 4 trên tổng số 8 môn (điểm trung bình là 0,95).

Ta có thể thấy ngay một con số tương đối khả quan, đó là 63% học sinh được khảo sát “thích” và “rất thích” học môn Tự nhiên và xã hội. Có 3 em không thích học môn này, chứng tỏ rằng môn này vẫn chưa thực sự hấp dẫn với tất cả các học sinh, không có em nào “chán” môn này. Kết quả này nói lên sự rung động nhân thức xúc cảm với môn Tự nhiên và xã hội đã khá rõ. Nhưng rung động ấy, hay sự yêu thích ấy có thực sự bền vững không hay chỉ là tính nhất thời?

Để trả lời câu hỏi đó, tôi kiểm tra độ tin cậy của kết quả đó ở bảng 1a và 1b bằng cách yêu cầu các em trả lời vấn đề này dưới dạng câu hỏi khác: câu 1,2 ở mẫu 2 (phần phụ lục). Kết quả như sau:

+ Mẫu 2- câu 1 không đặt môn Tự nhiên và xã hội tương quan với 8 môn học, mà để các em tự lựa chọn các môn học em “thích” theo thứ tự: thích thứ nhất, thích thứ nhì và thích thứ 3. Kết quả thu được cho thấy rung động nhận thức của học sinh còn khá phân tán. Có những em trả lời ở mức độ “thích thứ nhất” là 3 môn, “thích thứ nhì” là 2 môn và “thích thứ ba” là 1 môn khác . Như vậy ở cả ba mức độ “thích” của em đó đã bao gồm 6 trên tổng số 8

môn học. Hay ở em khác coi môn Toán là môn “rất thích” (ở mẫu 1 – câu 1), nhưng khi được lựa chọn môn học “thích thứ nhất” ở dạng câu hỏi này thì lại là môn Thể dục, Thủ công, mà Toán đã “xuống” mức độ “thích thứ hai”. Tất nhiên những học sinh có rung động nhận thức xúc cảm chưa ổn định thế này không nhiều lắm. Điều này là một minh chứng cho đặc điểm của trẻ ở lứa tuổi tiểu học đó là: hứng thú của trẻ ở lứa tuổi này còn chưa bền vững, dễ dàng thay đổi, trẻ quan tâm, ham thích nhiều lĩnh vực tri thức khác nhau. Thế nhưng với môn Tự nhiên và xã hội thì vẫn là con số đáng mừng: 70 em có rung động nhận thức xúc cảm với môn Tự nhiên và xã hội

37 em ghi Tự nhiên và xã hội là môn thích thứ nhất

25 em ghi Tự nhiên và xã hội là môn thích thứ hai

8 em ghi Tự nhiên và xã hội là môn thích thứ ba

Đối chiếu với kết quả ở bảng 1b ta thấy như sau:

- Trong số 35 em “rất thích” Tự nhiên và xã hội đã trả lời câu hỏi này:

25 em ghi Tự nhiên và xã hội là môn thích thứ nhất

6 em ghi Tự nhiên và xã hội là môn thích thứ hai

4 em ghi Tự nhiên và xã hội là môn thích thứ ba

Như vậy nhìn vào kết quả trên thì ta thấy rằng, 25 em có rung động nhận thức ổn định, còn lại 10 em có rung động nhận thức chưa ổn định. Có thể lý giải được điều này như sau: đa số học sinh ở lứa tuổi này có hứng thú không bền vững, lúc thế này lúc lại thế khác, các em chỉ tập trung và thích thú vào các gì khiến các em quan tâm và muốn tìm hiểu. Cũng có thể 10 em học sinh trên thấy các bạn trong lớp trả lời như vậy trong phiếu điều tra mà chúng tôi phát cho nên các em cũng chọn như vậy, những học sinh này chưa hứng thú thực sự với môn này hay nói cách khác, khả năng hứng thú còn thấp.

Bảng số 1a

STT	Số điểm		Tổng số điểm	Điểm trung bình	Thứ bậc
	Môn học				
1	Họa		86	0,86	5
2	Tự nhiên và xã hội		95	0,95	4
3	Toán		135	1,35	2
4	Tiếng việt		130	1,3	3
5	Ngoại ngữ		45	0,45	8
6	Thể dục		151	1,51	1
7	Nhạc		56	0,56	7
8	Thủ công		70	0,7	6

Bảng số 1b

Rất thích		Thích		Bình thường		Không thích		Chán	
Số h/s	%	Số h/s	%	Số h/s	%	Số h/s	%	Số h/s	%
35	35%	28	28%	34	34%	3	3%	0	0%

- Trong số 28 em “thích” Tự nhiên và xã hội đã trả lời câu hỏi này:

8 em ghi Tự nhiên và xã hội là môn thích thứ nhất

10 em ghi Tự nhiên và xã hội là môn thích thứ hai

10 em ghi Tự nhiên và xã hội là môn thích thứ ba.

Tương tự như nhóm thứ nhất, ở nhóm thứ hai các em đa số cũng có rung động ổn định, 20 em có cùng một câu trả lời khi cùng hỏi về một nội dung nhưng có cách hỏi khác nhau, còn lại 8 em có câu trả lời khác. Vì đây là học sinh lớp 3 nên điều này cũng dễ hiểu đối với các em, các em chưa nhận

thức được tầm quan trọng của môn học hay chưa định hướng được chính xác mình thích môn học nào và thích ở mức độ nào thì lại càng khó với lứa tuổi này.

- Trong số 34 em ghi “bình thường” với môn Tự nhiên và xã hội đã trả lời câu hỏi này:

1 em ghi Tự nhiên và xã hội là môn thích thứ nhì

10 em ghi Tự nhiên và xã hội là môn thích thứ ba

Còn lại 23 em không ghi môn Tự nhiên và xã hội vào cả ba mức độ “thích”.

Có nghĩa là con số 35 em “rất thích” + 28 em “thích” môn Tự nhiên và xã hội có thái độ tương đối ổn định ở cả hai câu hỏi: Mẫu 1 – câu 1 chiếm 63%, ở câu hỏi này - Mẫu 2 – câu 1 chiếm 70%. Nhìn vào bảng đối chiếu trên ta thấy 63% học sinh có rung động nhận thức xúc cảm với môn Tự nhiên và xã hội nằm trọn vẹn trong số 70% học sinh yêu thích Tự nhiên và xã hội ở lần khảo sát thứ hai. Như vậy con số 63% (ở bảng 1a và 1b) là con số có thể tin cậy được. Số em chưa có rung động nhận thức xúc cảm với Tự nhiên và xã hội ở bảng 1b là 34 em. Nhìn kết quả đối chiếu ta thấy trong số 34 em đó có 11 em thái độ với Tự nhiên và xã hội không ổn định, còn lại 23 em qua cả hai lần khảo sát đều có thái độ “bình thường” với môn Tự nhiên và xã hội, chưa tỏ ra có rung động nhận thức xúc cảm với môn này.

+ Để tăng độ chính xác của số liệu ở bảng 1b, một lần nữa tôi tách Tự nhiên và xã hội ra khỏi tất cả các môn học khác để thăm dò thái độ của học sinh, khu biệt đối tượng rung động nhận thức dưới dạng câu hỏi khác (Mẫu 2 – câu 2) để khảo sát lại một lần nữa sự rung động nhận thức xúc cảm của học sinh với môn học này:

“Đối với em môn Tự nhiên và xã hội là môn học em:

Rất thích:...

Không thích cũng không chán:...

Không thích:..

Lúc này các em chỉ được lựa chọn trả lời ở 3 mức độ rõ rệt thì kết quả thu được là:

Rất thích: 61 em (chiếm 61%)

Không thích cũng không chán: 29 em (chiếm 29%)

Không thích : 0 em (chiếm 0%)

Mức độ “không thích cũng không chán” ở lần khảo sát này tương đương với mức “bình thường” đối với môn Tự nhiên và xã hội ở bảng 1b.

Đối chiếu bảng 1b ta thấy trong 29 em “không thích cũng không chán” môn Tự nhiên và xã hội có:

2 em trả lời “rất thích” môn Tự nhiên và xã hội

7 em trả lời “thích” môn Tự nhiên và xã hội

20 em trả lời “bình thường” với môn Tự nhiên và xã hội

Như vậy ta có thể thấy 9 em có rung động nhận thức không ổn định, 20 em luôn giữ thái độ ổn định là chưa thích môn Tự nhiên và xã hội.

Tóm lại, bằng ba cách hỏi khác nhau nhưng cùng khảo sát về mức độ rung động nhận thức về môn Tự nhiên và xã hội ta thấy số em có rung động nhận thức với môn này tương đối cao và tương đối ổn định:

Mẫu 1 – câu 1: 63%

Mẫu 2 – câu 1: 70%

Mẫu 2 – câu 2: 61%

Trong tình hình hiện nay là học sinh coi Tự nhiên và xã hội chỉ là môn học phụ thì kết quả trên cũng là dấu hiệu đáng mừng. Vấn đề là những rung động nhận thức trên của các em có thực sự là rung động thực chất hay chỉ là nhất thời và các em có hứng thú học môn này một cách tự giác không, tôi đã tiếp tục tìm hiểu những biểu hiện về hứng thú học Tự nhiên và xã hội trong các tiết học, ngoài các tiết học. Điều đó cần được xem xét để có cơ sở đánh giá

đúng thực trạng tình hình hứng thú học Tự nhiên và xã hội của học sinh lớp 3 trường Tiểu học Tiên Dương hiện nay.

2.2.2. Biểu hiện của hứng thú học Tự nhiên và xã hội của học sinh lớp 3A, 3B trường Tiểu học Tiên Dương

Những rung động nhận thức xúc cảm chỉ là biểu hiện đầu tiên của hứng thú nhận thức. Chỉ khi nào những rung động nhận thức được khái quát lên thành thái độ nhận thức có xúc cảm đối với đối tượng thì hứng thú của các em mới có cơ sở để phát triển lên một giai đoạn cao hơn. Để tìm hiểu thái độ thực sự của các em đối với môn Tự nhiên và xã hội, tôi tìm hiểu những thái độ biểu hiện về thái độ học tập của học sinh trong giờ học cũng như ngoài giờ học Tự nhiên và xã hội (mẫu 1 – câu 4).

Cả hai mảng biểu hiện hành vi và hoạt động cụ thể của học sinh thể hiện thái độ nhận thức xúc cảm với môn Tự nhiên và xã hội.

+ *Trong các tiết học Tự nhiên và xã hội*

+ *Ngoài các tiết học Tự nhiên và xã hội*

Kết quả điều tra biểu hiện thái độ học tập của học sinh với môn Tự nhiên và xã hội ở bảng 2 cho phép chúng ta nhận xét như sau:

Bảng 2: Biểu hiện thái độ của học sinh trong và ngoài tiết học

Nơi biểu hiện	Các biểu hiện	Mức độ		
		Có	Khi có khi không	Không
Trong các tiết học Tự nhiên và xã hội	1. Chăm chú nghe giảng	85%	15%	0%
	2. Ghi chép bài đầy đủ	90%	10%	0%
	3. Chịu khó suy nghĩ, phát biểu	45%	20%	25%
	4. Thực hiện đầy đủ các việc làm, bài tập giáo viên giao trong giờ một cách vui vẻ, tự nguyện.	70%	25%	5%
	5. Thích đặt câu hỏi để hiểu kĩ bài	30%	10%	60%
	6. Em mong đến tiết Tự nhiên và xã hội	31%	69%	0%
	7. Em không thấy mệt mỗi khi học môn này	70%	20%	10%
	8. Em thích thú với những kiến thức thu được sau mỗi bài học.	65%	35%	0%
	9. Em thích đọc bài trước khi đến lớp	25%	55%	20%
Ngoài các tiết học Tự nhiên và xã hội	10. Em luôn vận dụng vào cuộc sống hằng ngày để phòng tránh được một số bệnh.	50%	20%	30%
	11. Em mong được sưu tầm những loài thực vật, động vật mà cô giáo yêu cầu.	60%	35%	5%
	12. Em thích được học các tiết thực hành đi thăm thiên nhiên để tìm hiểu về các loài sinh vật trong tự nhiên.	85%	15%	0%
	13. Em ước gì có tủ sách riêng về môn Tự nhiên và xã hội	27%	20%	53%
	14. Em có muốn được sinh hoạt trong CLB những người yêu Tự nhiên và xã hội (nếu có) không?	18%	62%	20%

- Đa số 100 em học sinh lớp 3A, 3B được điều tra có những biểu hiện của một thái độ chăm chỉ học tập ở trên lớp. Số liệu này cho thấy 85% học sinh chăm chú nghe giảng, 90% học sinh ghi chép bài đầy đủ, 70% học sinh thực hiện đầy đủ các việc làm mà giáo viên yêu cầu một cách vui vẻ và tự nguyện. Có những biểu hiện đó chưa hẳn là đã hứng thú học Tự nhiên và xã hội nhưng đó là những nhận thức đầu tiên, cần thiết để có nhận thức – xúc cảm ở học sinh. Không có những biểu hiện đó thì người học không có hứng thú nhận thức.

- Bên cạnh những biểu hiện tích cực thì ở học sinh vẫn có những biểu hiện chưa được khả quan lắm. Đó là 30% học sinh thích đặt câu hỏi để hiểu rõ bài, 32% học sinh thích đọc các sách có liên quan đến thế giới tự nhiên và con người, 31% học sinh mong đến tiết Tự nhiên và xã hội, 18% các em mong muốn được sinh hoạt trong CLB những người yêu thích Tự nhiên và xã hội (nếu có). Những con số trên cho ta thấy mức độ hứng thú của các em vẫn còn thụ động, phụ thuộc vào những yêu cầu của giáo viên, chưa có tính tự giác và xuất phát từ sự yêu thích của bản thân.

Bảng 3a. Biểu hiện thái độ trong các tiết học Tự nhiên và xã hội

STT	Nhóm học sinh Các biểu hiện	Hs nói rất thích học Tự nhiên và xã hội (35 em)		Hs nói thích học Tự nhiên và xã hội (28 em)		Hs nói bình thường với Tự nhiên và xã hội (34 em)	
		Số ý kiến	%	Số ý kiến	%	Số ý kiến	%
1	Chăm chú nghe giảng	35	100%	25	89,3%	15	44,1%
2	Ghi chép bài đầy đủ	30	85,7%	25	89,3%	27	79,4%
3	Chịu khó suy nghĩ và hăng hái phát biểu ý kiến	20	60%	11	39,3%	5	14,7%
4	Thực hiện đầy đủ các bài tập giáo viên giao một cách vui vẻ và tự nguyện	32	91,4%	17	60,7%	20	58,8%
5	Thích đặt câu hỏi để hiểu kĩ bài	17	48,6%	8	28,6%	2	5,8%
6	Em không muốn vắng mặt trong những tiết học Tự nhiên và xã hội	35	100%	27	96,4%	17	50%
7	Em thích thú với kiến thức thu được sau mỗi tiết học	31	88,6%	28	89,3%	20	58,85%
8	Em mong đến tiết Tự nhiên và xã hội	29	82,8%	24	85,7%	25	73,5%

Bảng 3b. Biểu hiện thái độ ngoài tiết học Tự nhiên và xã hội

STT	Nhóm học sinh Các biểu hiện	Hs rất thích môn Tự nhiên và xã hội (35 em)		Hs thích môn Tự nhiên và xã hội (28 em)		Hs bình thường với môn Tự nhiên và xã hội (34 em)	
		Số ý kiến	%	Số ý kiến	%	Số ý kiến	%
1	Em thích đọc bài trước khi đến lớp	20	57,1%	15	53,7%	11	32,3%
2	Em luôn vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống hàng ngày	25	71,4%	18	64,3%	15	44,1%
3	Em thích đọc các loại sách có liên quan đến thế giới tự nhiên và con người	13	37,1%	14	50%	6	17,6%
4	Em thích tham gia các tiết học ngoài thực tế để tìm hiểu về các loài sinh vật	32	91,4%	24	85,7%	29	85,3%
5	Ước gì em có tủ sách riêng về Tự nhiên và xã hội	17	50%	5	17,8%	2	5,8%
6	Em có muốn được sinh hoạt trong CLB những người yêu Tự nhiên và xã hội (nếu có) không?	10	29,4%	8	28,6%	4	11,7%

Để phân tích hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội của học sinh một cách sâu sắc hơn, chúng tôi đã tách riêng 3 nhóm học sinh: nhóm học sinh “rất thích” tự nhiên và xã hội, nhóm học sinh “thích” Tự nhiên và xã hội và nhóm học sinh có thái độ “bình thường” với môn này để so sánh biểu hiện về thái độ học tập của 3 nhóm với nhau (xem bảng 3a và 3b).

Nhìn các cột số phần trăm ở bảng 3a ta có thể thấy một xu thế chung: con số phần trăm của các biểu hiện tích cực ở nhóm học sinh nói “rất thích” môn Tự nhiên và xã hội lớn hơn nói “thích”, đồng thời con số phần trăm của hai nhóm này lớn hơn con số phần trăm của nhóm còn lại. Biểu hiện “chăm chú nghe giảng và ghi chép bài đầy đủ” có sự chênh lệch nhau nhưng không đáng kể. Nhưng ở biểu hiện “thích đặt câu hỏi để hiểu kĩ bài” thì con số chênh lệch nhau rõ ràng: 48,6% với học sinh “rất thích” học môn Tự nhiên và xã hội, 28,6% với học sinh “thích.” học môn Tự nhiên và xã hội còn lại ở nhóm “bình thường” với môn này thì con số là 5,8%, cho thấy ở nhóm này chưa có hứng thú học và học một cách thụ động.

Đối với trong các tiết học thì biểu hiện của học sinh là như phân tích ở trên, còn ngoài tiết học giữa các nhóm cũng có sự chênh lệch nhưng không lớn, cụ thể: đối với việc “đọc bài trước khi đến lớp” ở hai nhóm đầu có tỉ lệ phần trăm gần bằng nhau, nhóm “rất thích” là 57,1%, nhóm “thích” là 53,7% với con số này cũng có thể nhận thấy hứng thú của các em học sinh lớp 3 với môn Tự nhiên và xã hội đã có ở mức độ khá, tuy nhiên hứng thú này không bền vững vì đối với các em việc học vẫn chưa thực sự quan trọng, các em chưa ý thức được tầm quan trọng của môn học này. Nhìn vào bảng 3b biểu hiện “thích tham gia các tiết học ngoài thực tế để tìm hiểu về các loài sinh vật” lại được các em rất hào hứng, thích thú. Ở cả 3 nhóm tỉ lệ phần trăm đều ở mức cao, nhóm “rất thích” chiếm 91,4%, nhóm “thích” là 85,7% và nhóm còn lại là 85,3%. Từ kết quả này cho thấy các em rất hứng thú với việc khám phá tự nhiên, sự tò mò trong lứa tuổi này là rất lớn.

Từ những kết quả trên chúng ta có thể nhận xét rằng các em học sinh “rất thích” Tự nhiên và xã hội có thái độ học tập tích cực hơn hẳn so với các em “bình thường” với môn Tự nhiên và xã hội, các em “thích” môn này cũng có những biểu hiện tích cực nhưng chưa thực sự ổn định. Điều đó là hợp lý vì một khi các em có hứng thú học tập thì hứng thú đó sẽ thúc đẩy các em tích cực và tự giác thực hiện những nhiệm vụ, những hoạt động mà giáo viên yêu cầu, cũng như tích cực tìm tòi, khám phá nhằm hiểu biết sâu sắc hơn đối tượng của hứng thú.

Nhìn một cách tổng quát chúng ta thấy các em học sinh lớp 3 đã có rung động nhận thức xúc cảm tương đối rõ với môn Tự nhiên và xã hội nhưng chưa ổn định và các em mới chỉ hứng thú ở giai đoạn đầu, hứng thú này cũng có thể mất đi hoặc tăng lên còn phụ thuộc vào từng bài học và cách dạy của thầy (cô).

Kết quả trên thúc đẩy chúng tôi nghiên cứu tìm hiểu nguyên nhân của hiện tượng để đề xuất ra được biện pháp thích hợp nhằm làm thay đổi hứng thú học tập của học sinh tiểu học theo chiều hướng tích cực hơn.

2.2.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học Tự nhiên và Xã hội ở học sinh được nghiên cứu

Việc tìm hiểu và có được nhận xét đúng đắn về tình hình học tập của học sinh tiểu học nói chung, thực trạng hứng thú học tập của học sinh nói riêng là rất cần thiết và bổ ích đối với việc nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh – nhất là trong tình hình hiện nay. Nhưng để có thể đưa ra được những biện pháp kích thích hứng thú học tập của học sinh một cách phù hợp, vươn lên khắc phục những bất cập một cách hiệu quả thì việc phân tích những yếu tố ảnh hưởng tới hứng thú học tập của học sinh là vấn đề không kém phần quan trọng.

2.2.3.1. Những yếu tố kích thích học Tự nhiên và xã hội của học sinh được nghiên cứu

Như đã phân tích ta biết rằng có nhiều yếu tố khác nhau kích thích hứng thú học Tự nhiên và xã hội của học sinh. Nhưng, xuất phát từ chỗ nhìn nhận của học sinh là chủ thể của quá trình nghiên cứu chúng tôi phân chia những yếu tố đó làm hai nhóm chính là những yếu tố chủ quan và những yếu tố khách quan.

Bảng 4 là trích kết quả điều tra ở mẫu 1 – câu 2 cho riêng môn Tự nhiên và xã hội. Kết hợp điều tra viết, chúng tôi đã phỏng vấn, trò chuyện với các em có rung động nhận thức tương đối ổn định, có những biểu hiện tích cực trong quá trình học tập các môn nói chung và môn Tự nhiên và xã hội nói riêng để tìm hiểu yếu tố nào kích thích hứng thú học Tự nhiên và xã hội ở các em. Kết quả như sau:

a. Những yếu tố chủ quan

- Học sinh lớp 3 đã bước đầu nhận thức được sự cần thiết của môn Tự nhiên và xã hội với cuộc sống của chính các em. Đây cũng là lý do khiến các em yêu thích môn học này có số phần trăm cao thứ hai trong các lý do thuộc nhóm yếu tố chủ quan: 93,6% học sinh cho rằng em thích học môn Tự nhiên và xã hội vì “em thấy nội dung môn học cần thiết cho em trong cuộc sống”.

Đối với các em học tiểu học thì chưa nhận thức được sự cần thiết của môn học gắn với xu hướng nghề nghiệp như học sinh trung học (ví dụ như các em thích môn đó vì đó là môn thi nằm trong khối em dự thi đại học, môn học đó được xã hội đề cao và coi trọng...) mà các em chỉ đơn giản nghĩ rằng các môn đó giúp em hiểu biết bao điều mới lạ, giải thích các hiện tượng khó hiểu, trong cuộc sống của con người mà lứa tuổi các em đang háo hức muốn hiểu biết, muốn khám phá. Dưới đây là một số ý kiến của các em về vấn đề này:

- Em thích môn Tự nhiên và xã hội vì môn này giúp em có thêm hiểu biết về con người và sức khỏe, từ đó em biết cách phòng tránh các bệnh đơn giản.

(em Hoàng Thảo Mi lớp 3A).

- Em thích môn Tự nhiên và xã hội vì môn này giúp em hiểu rõ hơn về các loài động vật, thực vật, sự chuyển động của các hành tinh trong vũ trụ.

(em Nguyễn Trần Minh Anh lớp 3B).

Sự thành công trong học tập luôn là yếu tố tích cực kích thích hứng thú học tập của học sinh: 95, 2% học sinh được điều tra cho rằng các em thích học môn Tự nhiên và xã hội “em thường đạt kết quả cao ở môn này”. Các em thích học môn Tự nhiên và xã hội vì “cảm thấy dễ học” 79,3% và từ đó các em sẽ tự tin hơn trong học tập, tạo điều kiện tốt để học môn Khoa học ở lớp 4,5.

Những yếu tố chủ quan đã phân tích ở trên xuất phát từ bản thân học sinh. Không phải khả năng thuận lợi và thành công trong học tập là một cái gì đó có sẵn trong con người, mà nó chỉ có được trước hết là do nỗ lực của bản thân mỗi học sinh trong các hoạt động tương ứng. Đồng thời còn do sự tổ chức điều chỉnh một cách đúng đắn hoạt động đó của người lớn, đặc biệt là thầy (cô) giáo. Do vậy bên cạnh những yếu tố chủ quan còn phải xem xét yếu tố khách quan (bên ngoài) có ảnh hưởng như thế nào tới sự hình thành hứng thú học tập của học sinh.

Bảng 4. Lý do khiến các em thích học môn Tự nhiên và xã hội (ý kiến của 63 em “rất thích” và “thích” học Tự nhiên và xã hội)

Nhóm yếu tố	Lý do khiến em thích học môn Tự nhiên và xã hội	Ý kiến của học sinh (63em)	Số %
Chủ quan	Em cảm thấy môn này dễ học	50	79,3%
	Em thường đạt kết quả cao ở môn này	60	95,2%
	Em thấy nội dung môn này cần thiết cho em trong cuộc sống	59	93,6%
	Em thấy mình có năng lực ở môn này hơn các môn học khác	30	47,6%
Khách quan	Nội dung môn học lý thú, hấp dẫn	62	98,4%
	Giáo viên dạy dễ hiểu, hấp dẫn	57	90,4%
	Giáo viên gần gũi, sẵn sàng giải đáp thắc mắc của em về môn học này	50	79,3%
	Nhiều bạn trong lớp em thích môn này	17	27%
	Xã hội đánh giá cao môn học này	5	8%

b. Những yếu tố khách quan

Ta biết rằng học sinh lứa tuổi Tiểu học thường hứng thú với những gì gây cảm xúc trực tiếp, để lại ấn tượng mạnh, sự hấp dẫn đối với các em. Môn Tự nhiên và xã hội là một môn học đã thực sự thu hút được sự chú ý cao của các em với những kiến thức của nó. 98, 4% cho rằng thích học môn Tự nhiên và xã hội vì “nội dung môn học lý thú và hấp dẫn”.

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự quan tâm, khuyến khích của người lớn cũng có ý nghĩa không nhỏ với việc hình thành hứng thú học tập của học sinh. Điều đó thể hiện ở chỗ nhà trường và gia đình tạo điều kiện vật chất để các

em học tập tốt (như cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, phương tiện trực quan tranh ảnh hay những cuốn sách chuyên viết về tự nhiên, con người...) Một yếu tố khách quan khác cũng có tác động đến thái độ của học sinh đó là thái độ của tập thể lớp như hiện tượng đa số học sinh của lớp thích môn này hoặc thích môn kia... song yếu tố này ảnh hưởng không nhiều đối với lứa tuổi học sinh tiểu học vì nhìn vào bảng 5 ta thấy các em không cho rằng đây là lý do chính khiến các em yêu thích môn học này. Cụ thể chỉ có 8% học sinh yêu thích môn này vì “xã hội đánh giá cao môn học này” hay 27% học sinh yêu thích môn Tự nhiên xã hội vì “nhiều bạn trong lớp thích môn này”. Điều này cho thấy học sinh lớp 3 đã có chính kiến riêng của mình về niềm đam mê môn học nào đó, tuy nhiên điều này vẫn có thể thay đổi bởi rung động nhận thức của các em chưa ổn định.

Với học sinh Tiểu học yếu tố bên ngoài có ảnh hưởng quan trọng đến hứng thú học tập môn Tự nhiên và xã hội của các em là việc giảng dạy của giáo viên và thái độ của giáo viên trong quá trình điều khiển hoạt động học tập của học sinh. Quá trình hình thành hứng thú đối với môn học nói chung và môn Tự nhiên và xã hội nói riêng ở học sinh chịu ảnh hưởng rất lớn của nghệ thuật giảng dạy của giáo viên. Giáo viên điều chỉnh hoạt động giảng dạy sao cho việc phát hiện ra nội dung cần chiếm lĩnh, lĩnh hội của học sinh được dễ dàng, vừa sức đặc biệt là phải hấp dẫn, lôi cuốn học sinh những xúc cảm tích cực.

Ở trường tiểu học Tiên Dương mà chúng tôi nghiên cứu, các thầy cô giáo đã vận dụng rất nhiều phương pháp vào trong quá trình dạy học, những phương pháp này đã gây được hứng thú học tập đối với các em. 79,3% học sinh thích học môn này vì “đây là môn dễ học”. Nhưng tay nghề vững vàng, trình độ tổ chức hoạt động học tập cho học sinh cao đã thực sự là một yếu tố có ảnh hưởng lớn đến hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội của học sinh. 90,4% học sinh “rất thích” và “thích” học môn Tự nhiên và xã hội thừa nhận

lý do khiến em thích học môn này là do “giáo viên dạy dễ hiểu, hấp dẫn”, 79,3% học sinh cho rằng em thích học môn Tự nhiên và xã hội vì “giáo viên gần gũi, sẵn sàng giải đáp thắc mắc cho em”. Từ những con số trên có thể thấy rằng việc giảng dạy của giáo viên là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến việc học sinh có hứng thú hay không với môn học của mình. Giáo viên phải có nhiệm vụ kích thích hứng thú học tập của học sinh như động viên kịp thời, sẵn sàng lắng nghe ý kiến riêng của các em, không áp đặt, công bằng trong cách đánh giá kết quả học tập của học sinh...

Để thấy rõ hơn ảnh hưởng đặc biệt từ phía giáo viên đối với hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội của học sinh, chúng tôi xem xét thêm kết quả điều tra bằng câu hỏi “mở” mẫu 2 – câu 4: Thầy cô dạy môn Tự nhiên và xã hội có làm em thích học môn Tự nhiên và xã hội không? Tại sao? : 96 trên tổng số 100 em trả lời là “có” (chiếm 96%). Còn trả lời câu hỏi “tại sao” thì tất cả các em kể những chi tiết thuộc về thái độ, tác phong, tay nghề của cô giáo trong quá trình lên lớp: “cô giáo em dạy rất dễ hiểu, tiết nào học chúng em cũng được chơi trò chơi” (em Nguyễn Khắc Trường lớp 3A) “em chỉ mong đến tiết Tự nhiên và xã hội vì cô giáo giảng bài rất hay, ngày nào học môn này là chúng em lại được quan sát rất nhiều tranh ảnh đẹp” (em Đinh Tiến Dũng lớp 3B)...

Có thể nói rằng cả giáo viên và học sinh đều thấy được ảnh hưởng quan trọng của hoạt động giảng dạy của người thầy giáo tới hứng thú học tập bộ môn đó ở học sinh. Tình cảm, xúc cảm dễ lây lan, thái độ hào hứng, say sưa của người thầy hay ngược lại thái độ thờ ơ, uể oải khi lên lớp sẽ làm cho học sinh nhàm chán, nói chung thái độ của giáo viên quyết định đến không khí học tập của giờ học. Do vậy muốn học sinh hứng thú với môn học đó thì chính thầy giáo cũng phải hứng thú với môn học mà mình giảng dạy.

Những yếu tố chủ quan và khách quan có mối liên quan qua lại mật thiết với nhau trong việc kích thích hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội của học sinh. Mỗi yếu tố đều có một mức ảnh hưởng nhất định tới hứng thú học tự nhiên và xã hội. Nhưng nhìn chung các em đều thừa nhận sự tác động của mấy yếu tố cơ bản sau:

Đặc điểm của môn Tự nhiên và xã hội (sự hấp dẫn và cần thiết của môn học).

- Ý thức của học sinh về sự cần thiết của môn Tự nhiên và xã hội trong cuộc sống.

- Sự thành công của học sinh trong học tập môn Tự nhiên và xã hội.

- Phương pháp giảng dạy môn Tự nhiên và xã hội của giáo viên.

- Thái độ của giáo viên trong quá trình tổ chức hoạt động học môn Tự nhiên và xã hội cho học sinh.

2.2.3.2 Những yếu tố làm hạn chế với hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội ở học sinh được nghiên cứu

Bên cạnh những yếu tố có tác động tích cực đối với việc hình thành và củng cố hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội, ta cũng cần chú ý khắc phục những yếu tố hạn chế, làm giảm hứng thú học Tự nhiên và xã hội của học sinh. Những yếu tố hạn chế chính là mặt trái của những yếu tố tích cực đã nêu ở trên.

Để hiểu được vấn đề này, chúng tôi đã yêu cầu học sinh trả lời mẫu 1-câu 3 cho các bộ môn “Lý do nào (trong những lý do dưới đây) khiến em không thích học môn học đó?”. Sau đó tách riêng phần trả lời cho môn Tự nhiên và xã hội để phân tích.

Có 34 em thuộc nhóm học sinh có thái độ “bình thường” và 3 em thuộc nhóm “không thích” học môn Tự nhiên và xã hội đã trả lời câu hỏi này. Kết quả bảng 5 cho chúng ta một số nhận xét như sau:

- Nhìn một cách tổng quát các yếu tố có tác động tiêu cực tới hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội của học sinh lớp 3 gồm cả những yếu tố từ phía chủ quan học sinh và yếu tố khách quan từ bên ngoài tác động đến học sinh, ta thấy ngay một điều có ý nghĩa sư phạm, đó là hầu hết lý do khiến học sinh không thích học Tự nhiên và xã hội đều rơi vào từ phía chủ quan học sinh.

- Yếu tố tiêu cực với hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội nổi lên hàng đầu được học sinh kể đến là: “Em thấy mình không có năng lực trong môn này”. 80% học sinh không thích học môn Tự nhiên và xã hội nói như vậy. Đây quả là điều đáng để các nhà sư phạm quan tâm. Nó thể hiện sự thiếu tự tin của các em vào khả năng học môn Tự nhiên và xã hội của chính mình. Thái độ thiếu tự tin này sẽ làm ức chế quá trình tiếp thu kiến thức, ảnh hưởng xấu đến quá trình hình thành hứng thú nhận thức Tự nhiên và xã hội. Giáo viên dạy môn Tự nhiên và xã hội cần phải lưu ý đến khó khăn này của học sinh trong quá trình dạy môn Tự nhiên và xã hội để điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình cho phù hợp.

- Yếu tố thứ hai khiến các em không thích học môn Tự nhiên và xã hội là: “Em thường nhận được những lời nhận xét chưa tốt từ phía giáo viên”. 60% học sinh đã trả lời như vậy. Dựa vào tâm lý học ta có thể hiểu được thái độ chán nản của các em với môn học khi em luôn nhận được những lời nhận xét kém. Kết quả học tập là sự thể hiện thành công (hay thất bại) của các em trước sự “thử thách” của một môn học nào đó. Có thành công mới, gây được hứng thú, kích thích các em hoạt động để gặt hái những thành công mới. Đây là một lý do thuộc chủ quan học sinh. Nhưng đạt kết quả không cao, đôi khi không hoàn toàn chỉ thuộc về chủ quan học sinh, mà còn phụ thuộc vào giáo viên nữa. Giáo viên nên có những nhận xét công bằng và đúng đắn, qua đó uốn nắn thái độ học tập, kích thích sự quyết tâm cao hoặc ngược lại làm cho học sinh sợ sệt mà sinh ra chán học, mất tự tin.

Như vậy có thể nói, những yếu tố cơ bản làm học sinh không hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội chủ yếu xuất phát từ những khó khăn của chính học sinh, nhưng cũng không loại trừ ảnh hưởng không thuận lợi có thể đến từ phía giáo viên. Để khắc phục được những khó khăn ấy giáo viên dạy môn Tự nhiên và xã hội có trách nhiệm không nhỏ.

Tóm lại, qua nghiên cứu chúng tôi thấy học sinh lớp 3 trường tiểu học Tiên Dương đã có hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội ở mức độ ban đầu. Ở đây hứng thú cũng được hình thành một cách tự phát và không có ý thức.

Bảng 5: Lý do khiến các em không thích học tự nhiên và xã hội (ý kiến của 34 em “bình thường” với môn Tự nhiên và xã hội và 3 em “chán” môn này)

Nhóm yếu tố	Lý do khiến em không thích môn Tự nhiên và xã hội	Ý kiến của học sinh (37 em)	Số %
Chủ quan	Em thường bị nhận xét kém (chưa tốt) ở môn này	22	61%
	Nội dung môn học ít cần thiết trong cuộc sống hàng ngày của em	3	8,3%
	Em cảm thấy mình không có năng lực ở môn này	29	80,5%
Khách quan	Nội dung môn học khô khan	2	5,5%
	Em không có đầy đủ sách để học môn này	0	0%
	Giáo viên dạy học khó hiểu	3	8,3%
	Giáo viên dạy quá nghiêm khắc, hay câu gắt	1	2,7%
	Xã hội ít coi trọng môn này	0	0%
	Các bạn trong lớp không thích môn này	5	13,8%

Chương 3

THỬ NGHIỆM TÁC ĐỘNG, KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Mở đầu

3.1.1. Mục đích thử nghiệm

Hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội không chỉ phụ thuộc vào đặc điểm của bộ môn, dư luận xã hội về các lĩnh vực thuộc môn học mà còn được hình thành phát triển trong hoạt động học tập của học sinh dưới sự tổ chức một cách khoa học của giáo viên.

Trong phạm vi đề tài này, khi tiến hành thử nghiệm chúng tôi chú ý đến phương pháp giảng dạy của giáo viên với mục đích:

- Làm cho học sinh nắm vững nội dung của bài học, tạo cho các em niềm vui trong học tập, tin vào năng lực của bản thân, do đó các em say mê và kích thích hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội.
- Tổ chức các tiết học ngoài trời để thay đổi phương thức học tập, tạo không khí mới lạ, kích thích các em tìm tòi, sáng tạo trong học tập.

3.1.2. Nội dung và cách thức thử nghiệm

Chương trình được thực hiện bằng 4 tiết dạy bài mới ở môn Tự nhiên và xã hội 3

Soạn giáo án, dạy thử nghiệm: hướng dẫn, tổ chức cho học sinh thực hiện hoạt động học tập theo yêu cầu là phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh. Cụ thể:

Tôi tiến hành giảng dạy 4 tiết ở môn Tự nhiên và xã hội trong 4 tuần liên tiếp. Trong những tiết dạy này tôi sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học nhằm giúp các em nắm bài một cách hiệu quả nhất, trọng tâm chủ yếu là sử dụng phương pháp trực quan, tranh ảnh, vật thật, cho học sinh xem

video... thay vì sử dụng nhiều phương pháp vấn đáp, giảng giải như ở những tiết trước mà giáo viên chủ nhiệm dạy.

Tôi cố gắng tìm ra tình huống để bản thân các em nảy sinh các câu hỏi nhận thức: Tại sao lại như vậy?... Tự giải đáp được những câu hỏi dưới sự gợi ý của giáo viên cũng làm nảy sinh hứng thú.

Tăng cường hoạt động của học sinh: nếu như trước đây giáo viên chỉ tập trung chú ý gọi học sinh hay phát biểu thì nay giáo viên gọi tất cả các em trong lớp, với hệ thống câu hỏi phù hợp với trình độ của các em.

Thay đổi cách đánh giá của giáo viên: trong quá trình giảng dạy, giáo viên thường xuyên khuyến khích học sinh phát biểu ý kiến xây dựng bài, khen ngợi kịp thời khi học sinh có phát biểu đúng... Nếu như trước đây giáo viên thường đánh giá cho điểm học sinh khách quan, chính xác thì thử nghiệm của chúng tôi sẽ cho điểm theo hướng tích cực, tức là có sự động viên khích lệ.

Ví dụ: Biên soạn giáo án thử nghiệm để giảng dạy 1 tiết Tự nhiên và xã hội 3 (trong tổng số 4 tiết dạy thử nghiệm) “bài 45 Lá cây” theo hình thức dạy học tích cực (khác với cách dạy truyền thống).

	Cách dạy truyền thống	Cách dạy tích cực
Phương pháp dạy học chủ yếu	-Thuyết trình -Vấn đáp gợi mở	-Nêu vấn đề -Vấn đáp tìm tòi
Diễn biến	- Giáo viên yêu cầu quan sát trong sách giáo khoa trang 86 và cho biết: + Lá cây thường có màu gì? + Chỉ phiến lá, cuống lá, gân	- Giáo viên đưa ra hình ảnh về các loại lá cây. Dựa vào hiểu biết của mình ngoài thực tế và tranh ảnh các em hãy nêu hiểu biết của mình về những loại lá cây?

	<p>lá trong hình (3).</p> <p>+ Hình dạng của các loại lá như thế nào?</p> <p>Các học sinh lần lượt trả lời câu hỏi của giáo viên:</p> <p>+ Lá cây trường có màu xanh.</p> <p>+ 2,3 học sinh lên chỉ các bộ phận của lá ở hình số (3).</p> <p>- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án: Lá cây thường có màu xanh, một số lá có màu đỏ hoặc vàng. Lá cây có hình dạng và kích thước khác nhau. Trên lá có cuống lá và phiến lá, trên phiến lá có gân lá.</p>	<p>- Lần lượt học sinh sẽ nói về những hiểu biết của mình về các loại lá.</p> <p>+ Em biết rất nhiều loại lá như lá bưởi, lá ổi, lá xoài... chúng có màu xanh.</p> <p>+ Em thấy lá không chỉ có màu xanh mà còn có màu đỏ tía như lá tía tô, xung quanh viền lá có răng cưa...</p> <p>- Rất nhiều ý kiến của học sinh sẽ được đưa ra, có những ý kiến đúng và những ý kiến chưa đầy đủ. Nhiệm vụ của giáo viên là chỉ ra điều đó và giúp các em đi đến kết luận của bài.</p> <p>- Giáo viên hỏi: sau khi học xong bài này các em có những hiểu biết gì về các loại lá cây?</p> <p>- Học sinh lại tiếp tục kể ra những hiểu biết của mình.</p>
<p>Kết luận</p>	<p>- Học sinh thụ động tham gia vào các hoạt động học tập.</p> <p>- “Cầm tay chỉ việc”</p> <p>- Học sinh ít tập trung, ít hứng thú, hiệu quả học tập không cao.</p>	<p>- Học sinh chủ động tham gia vào hoạt động học tập.</p> <p>- Học sinh tự tìm ra con đường đi đến kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của giáo viên.</p> <p>- Học sinh hứng thú học tập hơn, giờ học sôi nổi hơn, hiệu quả dạy học cao.</p>

3.1.3. Khách thể thử nghiệm và đối chứng

Khách thể thử nghiệm là 50 học sinh lớp 3A trường Tiểu học Tiên Dương – Đông Anh – Hà Nội

Khách thể đối chứng là 50 học sinh lớp 3B trường Tiểu học Tiên Dương – Đông Anh – Hà Nội

Qua khảo sát thực trạng ở chương 2 cho thấy, nhìn chung ở cả 2 lớp có hứng thú học tập đều như nhau. Như vậy có thể kết luận trình độ hiện có của học sinh 2 lớp là tương đương nhau.

3.1.4. Thời gian thử nghiệm

Trong thời gian thực tập tháng rưỡi tại trường Tiểu học Tiên Dương (từ 17/2 – 28/3)

3.2. Kết quả nghiên cứu

Thứ 6 (21/2) lớp 3A có 4 tiết Toán, Tập Viết, Tự nhiên và xã hội, Sinh hoạt. Vào đầu buổi học tôi thông báo với lớp sẽ thay môn Tự nhiên và xã hội hôm nay bằng môn Thể dục. Sau đó lấy ý kiến của 50 học sinh lớp 3A, 50 học sinh lớp 3B (đồng ý, phản đối, không đồng ý cũng không phản đối) bằng phiếu thử nghiệm (phụ lục 1)

Kết quả như sau:

Bảng 6. Kết quả mức độ hứng thú với việc học Tự nhiên và xã hội của lớp 3A, 3B trước thử nghiệm.

Mức độ Lớp	Đồng ý	Không đồng ý cũng không phản đối	Không đồng ý
Lớp 3A	30% (15 hs)	10% (5 hs)	60% (30 hs)
Lớp 3B	34% (17 hs)	10% (5 hs)	56% (28 hs)

Kết quả bảng 6 cho thấy mức độ hứng thú với môn Tự nhiên và xã hội của 2 lớp ở mức trung bình. Vẫn còn 30% (lớp 3A), 34% (lớp 3B) các em không muốn học môn này vì thay môn học đó bằng môn học mà các em rất yêu thích, Thế dực là môn được các em lựa chọn nhiều nhất trong các môn học mà chúng tôi đưa ra ở phiếu điều tra kết quả ở bảng 1.

Vậy là trong quá trình giảng dạy của mình , giáo viên chưa thực sự tạo cho các em hứng thú học môn này. Phải chăng trong quá trình giảng dạy giáo viên đã sử dụng quá nhiều phương pháp dạy học truyền thống khiến các em thụ động trong học tập, chưa phát huy tính tự giác, tích cực.

Đến tiết Tự nhiên và xã hội của tuần sau vẫn vào thứ 6 (28/2) tôi xin giáo viên chủ nhiệm được dạy lớp 3A 4 tiết liên tiếp trong 4 tuần. Bằng cách sử dụng đồ dùng trực quan, tranh ảnh, vật thật (các em sưu tầm) và có sự trợ giúp của máy tính, trong những tiết học này tôi chỉ là người hướng dẫn, gợi mở, các em phải tự giác phát hiện và giải quyết nhiệm vụ của bài học. Sau 4 tiết giảng dạy tại lớp 3A, vẫn câu hỏi đó, kết quả thu được như sau:

Bảng 7: Kết quả mức độ hứng thú với việc học Tự nhiên và xã hội của lớp 3A, 3B sau thử nghiệm.

Mức độ Lớp	Đồng ý	Không đồng ý cũng không phản đối	Không đồng ý
Lớp 3A	6% (3 hs)	4% (2 hs)	90% (45 hs)
Lớp 3B	30% (15 hs)	10% (5 hs)	60% (30 hs)

Nhìn vào kết quả ở bảng 7 cho thấy mức độ hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội của các em lớp 3A đã được tăng lên một cách đáng kể, tăng lên 30% so với trước thử nghiệm. Còn đối với lớp 3B cũng có thể tùy từng

tiết học giáo viên gây được hứng thú ở các em, nên mức độ có sự thay đổi nhưng không đáng kể. Điều này chứng tỏ phương pháp giảng dạy là một trong những yếu tố rất quan trọng để gây hứng thú cho học sinh.

Để khẳng định tầm quan trọng của phương pháp giảng dạy của giáo viên đối với hứng thú của học sinh, tôi tiếp tục tiến hành một thử nghiệm nữa. Vì tự nhiên và xã hội là môn học cung cấp cho các em rất nhiều kiến thức thực tế, để từ đó có thể vận dụng vào trong cuộc sống hằng ngày. Ở lần thử nghiệm này tôi tiến hành trên 1 tiết học ở trong lớp và 1 tiết học ngoài thực tế, để biết mức độ nắm kiến thức của các em như thế nào tôi tiến hành như sau:

- Hình thức thử nghiệm là thử nghiệm điều tra, tiết Tự nhiên và xã hội tại 2 lớp 3A, 3B, thứ 6 (7/3). Giáo viên giảng dạy theo phương pháp mà họ thường giảng dạy.

- Mục đích: Đo mức độ thuần thục khi tiến hành các hoạt động trong một tiết học Tự nhiên và xã hội.

- Công cụ: chuẩn bị 1 bài tập

- Cách tiến hành: Sau khi giáo viên dạy xong bài 47 “Hoa”, giáo viên giao bài tập cho học sinh làm.

- Tiến trình lên lớp của tiết học này như sau:

+ *Hoạt động 1*: Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo nhóm bàn: Tìm hiểu về màu sắc, mùi hương, các bộ phận của hoa, dựa vào hình ảnh trong sách giáo khoa tr90, 91.

Các nhóm tiến hành thảo luận trong 5 phút, đại diện nhóm lên trình bày kết quả.

+ *Hoạt động 2*: Hoạt động theo nhóm bàn: Trưng bày những loài hoa mà các em đã sưu tầm được ở nhà, nói về đặc điểm của chúng.

+ *Hoạt động 3*: Làm việc cả lớp: Nói về chức năng và lợi ích của hoa.

Để biết được học sinh có thực sự hiểu bài và hứng thú học hay không, tôi tiếp tục cho các em làm một bài tập. Bài tập có dạng như sau:

PHIẾU BÀI TẬP

* Đánh dấu X vào trước câu trả lời đúng.

Hoa có chức năng gì?

Hô hấp

Quang hợp

Sinh sản

Vận chuyển nhựa

* Viết tên một số cây có hoa được sử dụng để trang trí, để làm thức ăn, làm nước hoa vào bảng dưới đây.

Tên cây	Ích lợi của hoa
	Dùng để trang trí
	Dùng để làm thức ăn
	Dùng để làm nước hoa

Bảng 8. Kết quả mức độ làm bài tập của học sinh của lớp 3A, 3B trong tiết học trên lớp.

Mức độ \ Lớp	Không làm được	Làm nhưng chưa xong	Làm xong
3A	8% (4 hs)	30% (15 hs)	62% (31 hs)
3B	10% (5 hs)	36% (18 hs)	54% (27 hs)

Nhìn kết quả bảng trên cho thấy mức độ hiểu bài và làm bài tập của 2 lớp ở mức trung bình. Mức độ “làm nhưng chưa xong” vẫn còn cao, điều này cho thấy những học sinh này vẫn chưa thực sự tập trung và hứng thú học môn này. Đây là dạng bài tập cơ bản, yêu cầu mỗi học sinh sau khi học xong bài đều phải làm được, nhưng kết quả ở bảng trên thì chưa thực sự khả quan. Qua phân dự giờ tôi thấy giáo viên trong quá trình giảng dạy vẫn chưa tạo được

hứng thú cho các em bằng cách sử dụng tranh ảnh, qua quan sát tôi thấy rằng phương tiện chính của giáo viên trong tiết học này lại là quyển sách giáo khoa Tự nhiên và xã hội 3, ngoài ra không có thêm một đồ dùng nào khác. Vì vậy mà hứng thú của các em ở mức trung bình cũng là điều dễ hiểu.

Dựa vào đặc điểm tâm lý của học sinh ở lứa tuổi này tôi yêu cầu giáo viên tổ chức vẫn tiết học này nhưng ở ngoài thực tế, cụ thể là ngoài vườn trường.

Đối với tiết học này thì giáo viên cho học sinh tìm hiểu bài bằng cách chia lớp thành 5 nhóm (mỗi nhóm 10 em) yêu cầu các em tự sưu tầm các loài hoa có trong vườn trường, sau đó hãy nói về:

- + Hoa em sưu tầm được là hoa gì?
- + Màu sắc của loài hoa mà em sưu tầm được.
- + Các bộ phận của bông hoa, mùi hương của chúng.
- + Lợi ích của những loài hoa đó.

Sau khi giáo viên đưa ra kết luận của bài, thời gian còn lại giáo viên yêu cầu các em làm phiếu bài tập như hôm trước, khi tổ chức tiết học trên lớp. Kết quả thu được như sau:

Bảng 9. Kết quả mức độ làm bài tập của học sinh của lớp 3A, 3B trong tiết học ngoài thực tế.

Mức độ Lớp	Không làm được	Làm nhưng chưa xong	Làm xong
3A	4% (2 hs)	14% (7 hs)	82% (41 hs)
3B	10% (5 hs)	36% (18 hs)	54% (27 hs)

Nhìn kết quả ở bảng trên ta thấy rằng học sinh rất hứng thú với việc được ra ngoài tự nhiên để tìm hiểu bài. Nhìn ở bảng 8 ta thấy cả 2 lớp có sự chênh lệch nhau không lớn về mức độ nắm kiến thức sau khi học xong một

bài học trên lớp, nhưng đến bảng 9 thì lại có sự thay đổi hoàn toàn. Đó là ở lớp 3A là lớp được học tiết này ở ngoài thực tế, lớp 3B thì không, kết quả ở bảng 9 cũng cho thấy sự chênh lệch lớn giữa mức độ làm bài của 2 lớp sau khi học xong. Ở lớp 3A các em rất hứng thú với việc tìm hiểu nội dung của bài, cũng chính vì vậy mà khả năng nắm kiến thức cũng khác hẳn so với học ở trên lớp, với mức độ “làm xong” bài là 41 học sinh chiếm 82% , còn mức độ “không làm được” chỉ còn lại 2 em chiếm 4% .

Tóm lại qua 2 lần thử nghiệm cho thấy học sinh hứng thú học hay không chủ yếu phụ thuộc vào phương pháp giảng dạy của giáo viên và nhu cầu ham thích khám phá tự nhiên của bản thân. Kết quả thử nghiệm cho thấy, trước khi thử nghiệm hứng thú học tập môn Tự nhiên và xã hội của học sinh lớp 3 trường Tiểu học Tiên Dương ở mức độ trung bình, sau khi thử nghiệm đã có sự thay đổi đáng kể. Tuy nhiên đó chỉ là kết quả nghiên cứu sau hơn một tháng, để tạo được hứng thú lâu dài và bền vững cho học sinh thì các nhà sư phạm cần có những tác động tích cực hơn nữa trong quá trình giảng dạy cho học sinh.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua nghiên cứu hứng thú học tập Tự nhiên và xã hội trên 100 em học sinh thuộc hai lớp 3A, 3B trường tiểu học Tiên Dương, tôi rút ra được những kết luận sau:

Học sinh lớp 3 đã có hứng thú học môn Tự nhiên và xã hội ở mức trung bình.

Hứng thú học tập biểu hiện khá đa dạng, không ổn định.

Các thành phần tâm lý trong cấu trúc của hứng thú biểu hiện không đồng đều, phát triển mạnh ở nhận thức, thứ hai là thái độ và cuối cùng là hành vi.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú của học sinh trong quá trình học tập, riêng với môn Tự nhiên và xã hội thì nguyên nhân chính gây hứng thú học tập cho các em chính là sự hấp dẫn của môn học (các em ham thích khám phá những điều mới lạ xung quanh trong tự nhiên cũng như xã hội), sự giảng dạy hấp dẫn, nhiệt tình của giáo viên, tác động từ những người xung quanh và sự trang bị cơ sở vật chất của nhà trường cũng làm các em hứng thú học tập hơn...

2. Kiến nghị

Để nâng cao hứng thú học tập môn Tự nhiên và xã hội cho học sinh lớp 3, tôi có một số kiến nghị như sau:

Đối với nhà trường:

Điều kiện vật chất không phải là yếu tố quyết định hứng thú nhưng đó là yếu tố cần thiết để học tập có kết quả. Do vậy nhà trường cần trang bị cho học sinh đầy đủ về tài liệu học tập, sách vở, đồ dung dạy học, trang thiết bị dạy học, phòng học...

Đối với giáo viên:

Phương pháp dạy học và cách thức đánh giá của giáo viên là yếu tố tác động mạnh đến sự hình thành và phát triển hứng thú cho học sinh. Do vậy

giáo viên cần tích cực nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm, lòng say say mê, nhiệt tình, sự hứng thú nghề nghiệp của mình để tăng cường bầu không khí học tập, làm cho học sinh có hứng thú học tập hơn.

Đối với gia đình

Gia đình cũng là một trong những yếu tố khiến trẻ có hứng thú học tập hay không. Ngoài những giờ học trên lớp thì ở nhà bố mẹ là người luôn theo dõi, nhắc nhở con trong học hành. Do vậy bố mẹ thường xuyên gần gũi, trò chuyện tâm tình với con cái, quan tâm tới hoạt động học tập của con nhiều hơn như: khi con làm bài tập ở nhà thì bố mẹ ần cần giúp đỡ, hướng dẫn nếu con cần, khen ngợi trẻ khi đạt kết quả cao...

Tóm lại để nâng cao hứng thú học tập môn Tự nhiên và xã hội cho học sinh lớp 3 nói chung và học sinh lớp 3A, 3B trường Tiểu học Tiên Dương nói riêng cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội.

Khi nghiên cứu đề tài này, vì trong thời gian có hạn nên có thể đề tài của tôi chưa toàn diện, sâu sắc. Hơn nữa đây là lần đầu tiên tôi nghiên cứu một vấn đề khoa học nên tôi không tránh khỏi những bở ngỡ và thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự đóng góp của các thầy cô và các bạn sinh viên để đề tài của tôi được hoàn thiện hơn

Tôi xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Văn Huệ, (1997), *Tâm lý học Tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm
2. Bùi Phương Nga, (2010), *Tự nhiên và xã hội 3*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
3. Bùi Phương Nga, (2010), *Sách giáo viên Tự nhiên và xã hội 3*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
4. Dương Thị Kim Oanh, *Thực trạng hứng thú học tập các môn nghiệp vụ sư phạm của sinh viên khoa sư phạm kỹ thuật Đại học Bách khoa Hà Nội*, Tạp chí giáo dục số 309, kì 1- 5/2013 (tr24)
5. Gonobonin, (1979), *Những phẩm chất tâm lý của người giáo viên*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
6. Hồ Ngọc Đại, (1983), *Tâm lý học dạy học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
7. *Hứng thú học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 4 trường Tiểu học Hùng Vương, thị xã Phúc Yên – Vĩnh Phúc* (khóa luận tốt nghiệp của sinh viên Trần Như Ngà).
8. Levitop N.D, (1970), *Tâm lý học trẻ em và tâm lý học sư phạm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
9. *Nghiên cứu hứng thú học tập môn Toán của học sinh lớp 4* (khóa luận tốt nghiệp của sinh viên Hà Mai Ly).
10. Nguyễn Kế Hào, (1996), *Dạy học lấy học sinh làm trung tâm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
11. Nguyễn Kế Hào, (1985), *Sự phát triển học sinh đầu tuổi học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
12. Nguyễn Thị Thu Cúc, *Hứng thú học tập môn Toán của học sinh Tiểu học Tây Ninh*, Tạp chí giáo dục, số 150, kì 2- 11/2006 (tr19).
13. Nguyễn Quang Uẩn, Trần Quốc Thành, Trần Hữu Luyện, (2000), *Tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

14. Petrovski A.V, (1982), *Tâm lý học trẻ em và tâm lý học sư phạm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
15. Phạm Minh Hạc, (1980), *Nhập môn tâm lý học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
16. Phạm Minh Hạc, Lê Khanh, Trần Trọng Thủy, (1986), *Tâm lý học*, Nxb Giáo dục.
17. Phạm Minh Hạc, (1978), *Tâm lý học Liên Xô, Tuyển tập các bài báo*, Nxb Tiến bộ Matcova.
18. Sukina G.I, (1971), *Vấn đề hứng thú trong khoa học giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

PHỤ LỤC

PHIẾU THỬ NGHIỆM 1

Họ và tên học sinh:

Ngày tháng năm sinh:

Lớp: Trường:.....

Kết quả thử nghiệm

Mức độ Lớp	Đồng ý	Không đồng ý cũng không phản đối	Không đồng ý
Lớp 3A			
Lớp 3B			

PHIẾU THỬ NGHIỆM 2

Họ và tên học sinh:

Ngày tháng năm sinh:

Lớp: Trường:.....

Kết quả thử nghiệm:

Mức độ Lớp	Không làm được	Làm nhưng chưa xong	Làm xong
3A			
3B			

Mẫu phiếu điều tra viết

Mẫu 1.

Họ và tên:

Lớp:.....

PHIẾU TÌM HIỂU Ý KIẾN HỌC SINH

Các em thân mến! Để góp phần vào việc nghiên cứu khoa học giáo dục, nâng cao chất lượng giảng dạy trong trường Tiểu học, mong các em suy nghĩ kỹ và đánh dấu (+) vào chỗ hợp ý với em nhất. Rất mong các em trả lời một cách trung thực.

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của các em!

1. Đề nghị trả lời theo 5 mức độ đối với môn học kê dưới đây bằng cách đánh dấu (+) vào chỗ hợp ý em:

STT	Môn học	Mức độ				
		Rất thích	Thích	Bình thường	Không thích	Chán
1	Họa					
2	Tự nhiên và xã hội					
3	Toán					
4	Tiếng việt					
5	Ngoại ngữ					
6	Thể dục					
7	Nhạc					
8	Thủ công					

2. Lý do nào trong những lý do dưới đây khiến em “thích nhất” môn học đó? Em hãy đánh dấu (+) vào chính môn đó trong bảng này ở chỗ phù hợp với ý em.

Nhóm yếu tố	Lý do khiến em thích môn này	
Chủ quan	Em cảm thấy môn này dễ học.	
	Em thường đạt kết quả cao ở môn này.	
	Em thấy nội dung môn này cần thiết cho em trong cuộc sống.	
	Em thấy mình có năng lực ở môn này hơn các môn học khác.	
Khách quan	Nội dung môn này lý thú, hấp dẫn.	
	Giáo viên dạy dễ hiểu, hấp dẫn.	
	Giáo viên gần gũi, sẵn sàng giải đáp thắc mắc cho em về môn này.	
	Nhiều bạn trong lớp em thích môn này.	
	Xã hội đánh giá cao môn học này.	

3. Lý do nào trong những lý do dưới đây khiến em không thích môn học đó? Em hãy đánh dấu (+) vào ô phù hợp với ý kiến của em.

Nhóm yếu tố	Lý do khiến em không thích môn học này	
Chủ quan	Em thường bị nhận xét kém (chưa tốt) ở môn học này	
	Nội dung môn học ít cần thiết trong cuộc sống hàng ngày của em	
	Em thấy mình không có năng lực ở môn này	
Khách quan	Nội dung môn học khô khan	
	Em không đủ sách để học môn này	
	Giáo viên dạy khó hiểu	
	Giáo viên dạy quá nghiêm khắc, hay cáu gắt	
	Xã hội ít coi trọng bộ môn này	
	Nhiều bạn trong lớp em không thích môn này	

4. Trong các tiết học Tự nhiên và xã hội và ngoài giờ học trên lớp, em có những biểu hiện với môn văn ở mức độ nào? Em hãy đánh dấu (+) vào mức độ nào đúng với biểu hiện có thực của em.

Nơi biểu hiện	Các biểu hiện			
		Có	Khi có khi không	Không
Trong các tiết học Tự nhiên và xã hội	Chăm chú nghe giảng			
	Ghi chép bài đầy đủ			
	Chịu khó suy nghĩ và hăng hái phát biểu ý kiến			
	Thực hiện đầy đủ các việc làm, các bài tập giáo viên giao một cách vui vẻ và tự nguyện			
	Thích đặt câu hỏi để hiểu kĩ bài			
	Em không muốn vắng mặt trong những buổi học có môn này			
	Em thích thú với kiến thức thu được sau mỗi tiết học			
	Em mong đến tiết Tự nhiên và xã hội			
Ngoài các tiết học Tự nhiên và xã hội	Em thích đọc bài trước khi đến lớp			
	Em luôn vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống hàng ngày			
	Em thích đọc các loại sách có liên quan đến thế giới tự nhiên và con người			
	Em thích tham gia các tiết học ngoài thực tế để tìm hiểu về các loài sinh vật			
	Ước gì em có tủ sách riêng về Tự nhiên và xã hội			

Mẫu 2

Họ và tên:

Lớp:.....

PHIẾU TÌM HIỂU Ý KIẾN HỌC SINH

Các em thân mến! Để góp phần vào việc nghiên cứu khoa học dục, nâng cao chất lượng giảng dạy trong trường Tiểu học, mong các em suy nghĩ, đọc kỹ trả lời các câu hỏi dưới đây một cách đầy đủ và chân thực.

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của các em!

1.Em hãy kể 3 môn học mà em thích (theo thứ tự thích thứ nhất, thứ hai và thứ 3)

1.

2.

3.

2.Đối với em, môn Tự nhiên và xã hội là môn học em:

Rất thích

Không thích cũng không chán

Không thích

(Đánh dấu (+) vào ô hợp ý em.)

3.Thầy (cô) giáo dạy Tự nhiên và xã hội có làm em hài lòng không?

Có Không

(Đánh dấu (+) vào ô em chọn). Vì sao em chọn như vậy?

.....

.....

.....

.....

4. Em đã hài lòng với kiến thức và điểm số môn Tự nhiên và xã hội của em chưa? (đánh dấu (+) vào chỗ hợp ý với em).

- Đối với em kết quả môn Tự nhiên và xã hội cứ trung bình là được.
- Em bực mình với bản thân mỗi khi bị đánh giá không tốt trong môn Tự nhiên và xã hội.
- Em luôn tự nhủ bài sau phải tự mình cố gắng đạt loại khá.
- Em muốn noi theo các bạn học giỏi trong lớp.

5. Sau mỗi tiết học Tự nhiên và xã hội em có vận dụng kiến thức vào trong cuộc sống không?

Có

Không

(đánh dấu (+) vào ô em lựa chọn)